

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ N'TRANG LÔNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẮK NÔNG - 2023

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ N'TRANG LONG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Đỗ Thị Việt Hà	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Lê Văn Thắng	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Thị Kim Loan	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Phạm Thị Ngát	Bí thư chi bộ	Thư ký Hội đồng	
5	Huỳnh Thị Thùy Dương	Văn Thư - Thủ quỹ	Ủy viên Hội đồng	
6	Huỳnh Diên Thư	Bí thư đoàn	Ủy viên Hội đồng	
7	Nguyễn Thị Hải	Tổ trưởng tổ QTĐS	Ủy viên Hội đồng	
8	Nguyễn Ngọc Hoàng	Tổ trưởng tổ VP	Ủy viên Hội đồng	

9	Lê Văn Thông	Phó bí thư Đảng bộ	Ủy viên Hội đồng	
10	Phạm Thùy Trang	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
11	Trần Thị Trang Lan	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
12	Võ Thị Hoàng Anh	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
13	Huỳnh Tấn Tiến	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	
14	Nguyễn Văn Đôn	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên Hội đồng	

ĐẮK NÔNG - 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	15
Tiêu chuẩn 1	16
Mở đầu	16
Tiêu chí 1.1	16
Tiêu chí 1.2	17
Tiêu chí 1.3	19
Tiêu chí 1.4	21
Tiêu chí 1.5	23
Tiêu chí 1.6	24
Tiêu chí 1.7	26
Tiêu chí 1.8	27
Tiêu chí 1.9	29
Tiêu chí 1.10	31
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	33
Tiêu chuẩn 2	33

Mở đầu	33
Tiêu chí 2.1	34
Tiêu chí 2.2	35
Tiêu chí 2.3	37
Tiêu chí 2.4	38
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	40
Tiêu chuẩn 3	41
Mở đầu	41
Tiêu chí 3.1	41
Tiêu chí 3.2	42
Tiêu chí 3.3	43
Tiêu chí 3.4	45
Tiêu chí 3.5	46
Tiêu chí 3.6	48
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	49
Tiêu chuẩn 4	50
Mở đầu	50
Tiêu chí 4.1	50
Tiêu chí 4.2	52
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	53
Tiêu chuẩn 5	54
Mở đầu	54
Tiêu chí 5.1	54
Tiêu chí 5.2	56
Tiêu chí 5.3	57

Tiêu chí 5.4	58
Tiêu chí 5.5	59
Tiêu chí 5.6	61
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	63
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	64
Tiêu chí 1	64
Tiêu chí 2	64
Tiêu chí 3	65
Tiêu chí 4	65
Tiêu chí 5	66
Tiêu chí 6	66
<i>Kết luận</i>	67
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	68
Phần IV. PHỤ LỤC	70

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	✓	Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2.
2	BGDDĐT	Bộ Giáo dục Đào tạo
3	CMHS	Cha mẹ học sinh
4	DTNT	Dân tộc nội trú
5	GDGD	Giáo dục công dân
6	GDQP	Giáo dục quốc phòng
7	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
8	HS	Học sinh
9	HSG	Học sinh giỏi
10	KHKT	Khoa học kỹ thuật
11	KTX	Ký túc xá
12	SGDDĐT	Sở Giáo dục Đào tạo
13	THPT	Trung học phổ thông

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X

Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	✓
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	✓
Tiêu chí 5.4		X	X	✓
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 3

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2	X		
Tiêu chí 3	X		
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5	X		
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt mức 3

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ N'TRANG LÔNG

Tên trước đây (nếu có): Trường DTNT tỉnh Đắk Nông

Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	ĐẮK NÔNG
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Thành phố Gia Nghĩa
Xã / phường/thị trấn	Phường Nghĩa Trung
Đạt CQG	Đạt mức 2
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2004
Công lập	√
Tư thục	
Trường chuyên biệt	
Trường liên kết với nước ngoài	

Họ và tên hiệu trưởng	Đỗ Thị Việt Hà
Điện thoại	02612.216.356
Fax	
Website	ptdntdaknong.daknong.edu.vn
Số điểm trường	1
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023

Khối lớp 10	5	5	5	5	5
Khối lớp 11	5	5	5	5	5
Khối lớp 12	5	5	5	5	5
Cộng	15	15	15	15	15

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	20	20	20	20	20	
1	Phòng học	15	15	15	15	15	
a	Phòng kiên cố	15	15	15	15	15	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	5	5	5	5	5	
a	Phòng kiên cố	5	5	5	5	5	

b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	2	2	2	2	2	
a	Phòng kiên cố	2	2	2	2	2	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính- quản trị	16	16	16	16	16	
1	Phòng kiên cố	16	16	16	16	16	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	

IV	Các công trình, khôi phục chức năng khác (nếu có)	1	1	1	1	1	
	Cộng	40	40	40	40	40	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	1	0	0	1	1	
Giáo viên	36	25	4	0	31	5	
Nhân viên	18	14	1	0	19	0	
Cộng	57	41	5	0	51	7	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

T	T	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
1		Tổng số giáo viên	35	36	36	36	36
2		Tỷ lệ giáo viên/lớp	2.33	2.34	2.34	2.34	2.34
3		Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.082	0.086	0.085	0.085	0.085

4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	429	419	426	437	452	
	- Nữ	319	323	302	328	313	
	- Dân tộc	407	399	407	416	413	
	- Khối lớp 10	149	147	146	148	168	
	- Khối lớp 11	139	138	143	144	146	
	- Khối lớp 12	141	134	137	145	138	
2	Tổng số tuyển mới	150	150	150	148	175	
3	Học 2 buổi/ngày	429	419	426	437	452	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	429	419	426	437	452	
6	Bình quân số học sinh/lớp	28.6	27.9	28.4	29.1	30.1	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	429	419	426	437	452	
	- Nữ	319	323	302	328	313	
	- Dân tộc thiểu số	407	399	407	416	413	

8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	5	0	1	5	6	
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	429	419	426	437	452	
	- Nữ	319	323	426	437	313	
	- Dân tộc thiểu số	407	399	407	416	413	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
12	Tổng số học sinh (trẻ em) khuyết tật, hoà nhập	0	0	0	0	0	
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	7.3	9.5	16.9	0	0	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	48.3	59.2	61.3	0	0	

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	1.9	0.7	0	0	0	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	93.3	91.6	94.4	0	0	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	5.8	7.9	5.2	0	0	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	0.7	2.5	0.4	0	0	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

1. Tình hình chung của nhà trường:

a. Về học sinh năm học 2022 - 2023:

Tổng số lớp học 15 lớp với 452 học sinh, học sinh DTTS 413 học sinh, trong đó:

- Khối 10: 168 học sinh, học sinh DTTS 153

- Khối 11: 146 học sinh, học sinh DTTS 133

- Khối 12: 138 học sinh, học sinh DTTS 127

b. Giáo viên:

Tổng số CBQL, Giáo viên, nhân viên 57, trong đó:

- CBQL: 03, nữ 02, DTTS 0, 100% CBQL đạt chuẩn, trên chuẩn 02

- Giáo viên: 35, nữ 24, DTTS 04, 100% trình độ đạt chuẩn, trên chuẩn 05

- Nhân viên: 19, nữ 14, DTTS 02

c. Thuận lợi:

Có sự quan tâm chỉ đạo sâu sát từ Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông.

Đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL) có sự đồng thuận cao trong công tác lãnh đạo các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đoàn kết, giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ.

Đội ngũ giáo viên nhà trường đạt chuẩn và có giáo viên trên chuẩn, tâm huyết luôn tự học, tự rèn luyện nâng cao tay nghề, sáng tạo trong công việc, tích cực đổi mới trong dạy học, có lòng nhân ái cao cả, tình yêu thương hết lòng với học sinh, phong trào thi đua 2 tốt (dạy tốt, học tốt) được duy trì qua nhiều năm, nề nếp chuyên môn ổn định.

d. Khó khăn:

Lực lượng giáo viên cùng chuyên môn mỏng, chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn vẫn còn thiên về hình thức.

Một số học sinh chưa có ý thức tốt trong học tập, còn ỷ lại, chây lười trong học tập.

Quan hệ phối hợp giữa nhà trường và PHHS trong giáo dục còn hạn chế, một số phụ huynh chưa ý thức cao trong quan tâm động viên con em của mình thực hiện chuyên cần, phấn đấu học tập.

2. Mục đích TĐG

Xác định cơ sở giáo dục đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; Xác định được điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chuẩn, tiêu chí trong kiểm định, đánh giá chất lượng giáo dục từ đó lập kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; Thông báo công khai với cơ quan quản lý nhà nước

và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Trước những yêu cầu về việc nâng cao chất lượng giáo dục, nhà trường đã xem khâu tự đánh giá là một khâu quan trọng trong việc lập kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục. Tự đánh giá là điều kiện giúp nhà trường rà soát, xem xét lại thực trạng chỉ ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những kế hoạch cải tiến đúng đắn, phù hợp với thực trạng nhà trường.

Dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT để tự xem xét, đánh giá thực trạng chất lượng các hoạt động giáo dục, cơ sở vật chất, các vấn đề liên quan khác để nhằm xác định nhà trường đạt mức đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục, công nhận trường chuẩn Quốc gia nhằm khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, duy trì điều kiện của trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Để triển khai tốt quy trình tự đánh giá trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá với bao gồm đại diện Đảng bộ, lãnh đạo nhà trường, đại diện tổ chức công đoàn, tổ trưởng chuyên môn và một số giáo viên có năng lực do hiệu trưởng làm chủ tịch hội đồng quyết định và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

Hội đồng đã triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục đến tất cả các thành viên trong hội đồng, đồng thời tập huấn công tác tự đánh giá cho tất cả các nhóm, các nhóm trong hội đồng tự đánh giá đã có sự phối hợp, cộng tác tốt trong việc thu thập, xử lý phân loại thông tin, minh chứng, chỉ ra được một cách khách quan, trung thực thực trạng của nhà trường. Sau khi phân tích, kiểm tra độ tin cậy, xác định tính chính xác, mức độ phù hợp với yêu cầu của từng tiêu chí tương ứng trong từng tiêu chuẩn. Dựa vào thông tin, minh chứng đã chọn lọc các nhóm lập phiếu đánh giá từng tiêu chí. Sau đó, hội đồng tự đánh giá, tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chính thức. Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, hội đồng tự đánh giá khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của trường liên quan đến nội dung của từng tiêu chí, lấy minh chứng từ các loại hồ sơ, văn bản, thực tế, so sánh đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan. Trong quá trình tự đánh giá nhà trường đã sử dụng nhiều công cụ khác nhau về việc xác định yêu cầu; sử dụng máy vi tính, máy in, mạng Internet để khai thác thông tin và viết báo cáo tự đánh giá.

Báo cáo tự đánh giá được trình bày theo 5 tiêu chuẩn và 28 tiêu chí. Trong mỗi tiêu chí đều nêu được những điểm mạnh, điểm yếu và kế hoạch cải tiến chất lượng, khắc phục những điểm yếu; xây dựng kế hoạch hành động theo mốc thời gian cụ thể và ưu tiên cho từng lĩnh vực nhằm từng bước nâng cao chất lượng giáo dục.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Nhà trường có cơ cấu tổ chức, lớp học và học sinh đúng theo quy định, có thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các tổ chức năng và hoạt động theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành theo thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT; Quy chế hoạt động của trường PT DTNT ban hành theo thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT. Trong hoạt động luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước cũng như quy định của ngành; trong quản lý, điều hành, chỉ đạo các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các tổ chức năng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ hàng tuần, tháng, học kỳ, năm học; có đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học và thực hiện việc lưu trữ, báo cáo đảm bảo đúng thời gian quy định.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

- a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;
- b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Chiến lược phát triển của nhà trường đã xác định rõ mục tiêu giáo dục bậc THPT phù hợp với Luật Giáo dục, quy định của điều lệ trường THPT, trường PT có nhiều cấp học được quy định tại thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020; quy chế hoạt động trường PT DTNT tại thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT, ngày 23/02/2023 và định hướng phát triển KT-XH của địa phương [H1-1.1-01]

Chiến lược phát triển nhà trường đánh giá đúng những cơ hội và thách thức để xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nhà trường [H1-1.1-01]

Chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với thực tiễn phát triển nhà trường, được Sở GD&ĐT phê duyệt, được niêm yết công khai tại bản tin và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.1-01]

Mức 2:

Chiến lược phát triển của nhà trường có định hướng thực hiện đồng bộ các giải pháp trong các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh thông qua các kế hoạch phối hợp cụ thể nhằm thực hiện thành công mục tiêu đề ra [H1-1.1-02], [H1-1.1-03], [H1-1.1-04]

Mức 3:

Chiến lược phát triển của nhà trường được đánh giá, bổ sung, điều chỉnh hàng năm thực hiện, được phổ biến công khai đến từng cán bộ GV, CNV của nhà trường [H1-1.1-01]

2. Điểm mạnh

Kế hoạch xây dựng và phát triển nhà trường bám sát thực trạng cơ sở vật chất hiện có, nguồn lực của nhà trường, điều kiện về kinh tế, xã hội của địa phương. Kế hoạch được trao đổi bàn bạc chặt chẽ trong Hội đồng trường, được Hội đồng trường xây dựng các giải pháp giám sát việc thực hiện, có báo cáo định kì trước Hội đồng sư phạm nhà trường theo học kì, năm học.

3. Điểm yếu

Cơ sở vật chất của đơn vị chưa được hoàn thiện, một số hạng mục xuống cấp nên phần nào ảnh hưởng đến chiến lược phát triển của nhà trường.

Một số nhân viên, học sinh chưa quan tâm một cách đầy đủ đến mục tiêu chiến lược của nhà trường. Cha mẹ học sinh chưa được quán triệt sâu sắc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm những năm tiếp theo, nhà trường phổ biến và đăng tải toàn văn kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường lên trang website của đơn vị, nhằm tranh thủ sự đóng góp của mọi tổ chức, cá nhân, đồng thời điều chỉnh, bổ sung chiến lược cho phù hợp với thực tiễn tại đơn vị. Hằng năm, trong quá trình thực hiện chiến lược, Hiệu trưởng luôn rà soát, rút ra những việc đã làm được và những việc chưa làm được để bổ sung và điều chỉnh, nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược.

Chỉ đạo công đoàn nhà trường, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, chỉ đạo đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên tiếp tục tuyên truyền chiến lược phát triển nhà trường, Kế hoạch năm học tới học sinh, phụ huynh học sinh, nhân dân.

Thông qua Hội nghị cha mẹ học sinh, tổ chức tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch chiến lược của nhà trường đến từng cá nhân phụ huynh học sinh nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác****Mức 1:**

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THPT DTNT N'Trang Long có Hội đồng trường được thành lập đảm bảo cơ cấu thành phần đúng quy định Điều 10 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Ngoài ra, mỗi năm học Hiệu trưởng còn ban hành quyết định thành lập các hội đồng tư vấn như: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Ban chăm sóc sức khỏe học sinh, Tổ tư vấn tâm lý học sinh... do Hiệu trưởng ban hành được thực hiện theo Điều 12 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]

Hội đồng trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định, Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng trường theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/3/2020 [H1-1.2-01]

Đối với thi đua, khen thưởng, hội đồng kỷ luật, hội đồng khác.. thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/3/2020 [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]

Hội đồng trường và các Hội đồng khác có thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, định kỳ được rà soát, bổ sung và đánh giá hàng năm theo năm học [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-04]

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng tư vấn, hội đồng thi đua khen thưởng.... đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-06]

2. Điểm mạnh

Vào đầu năm học, hiệu trưởng đã thực hiện tốt việc củng cố, kiện toàn Hội đồng trường với đầy đủ thành phần theo quy định và ban hành quyết định thành lập các hội đồng tư vấn, hội đồng thi đua khen thưởng.... với thành phần là những cán bộ, giáo viên có năng lực. Hội đồng trường và các hội đồng khác trong nhà trường hoạt động hiệu quả, được kiểm tra, đánh giá thường xuyên đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số thành viên hội đồng trường còn hạn chế, chưa mạnh dạn trong công tác tham mưu, xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban giám hiệu nhà trường tiếp tục bồi dưỡng để các thành viên của từng hội đồng phát huy năng lực thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

Tiếp tục hoàn thiện kế hoạch hoạt động của hội đồng trường theo từng nhiệm kỳ, kế hoạch cụ thể từng năm học cho phù hợp với thực tiễn và tính khả thi cao; Hoàn thiện bổ sung nhân sự hội đồng trường cho phù hợp với nhiệm vụ chính trị, chiến lược phát triển nhà trường.

Vào đầu năm học Hiệu trưởng ban hành các quyết định thành lập các hội đồng khác trong nhà trường kịp thời, giúp hiệu trưởng quản lý các hoạt động của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THPT DTNT N'Trang Long có 01 Đảng bộ trực thuộc Đảng bộ khối CCQ và doanh nghiệp tỉnh Đắk Nông với 03 chi bộ trực thuộc, tổng số đảng viên của đảng bộ 34 đồng chí, chiếm 59,65% tổng số cán bộ, viên chức, người lao động trong nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]

Công đoàn trường THPT DTNT N'Trang Long tiến hành tổ chức Đại hội theo quy định nhiệm kỳ 5 năm và có quyết định công nhận Ban Chấp hành của Công đoàn cấp trên. Công đoàn nhà trường tổ chức hoạt động đúng theo Điều lệ Công đoàn [H1-1.3-03]

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trường THPT DTNT N'Trang Long trực thuộc đoàn khối CCQ và doanh nghiệp tỉnh Đắk Nông, đoàn trường tổ chức đại hội theo nhiệm kỳ năm học, tổ chức hoạt động đoàn theo đúng điều lệ Đoàn [H1-1.3-04]

Đảng bộ trường THPT DTNT N'Trang Long hoạt động theo đúng quy định của pháp luật Điều lệ Đảng, lãnh đạo nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị. Công đoàn nhà trường hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ công đoàn cơ sở, đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ góp phần bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người lao động. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động đúng quy định của pháp luật, điều lệ Đoàn, góp phần thúc đẩy các hoạt động phong trào đoàn, các hoạt động tập thể của học sinh ngày một có chiều sâu, góp phần nâng cao khối đại đoàn kết các dân tộc, củng cố niềm tin của học sinh từ đó góp phần nâng cao chất lượng công tác giáo dục của nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]

Định kì đảng bộ họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và đề ra kế hoạch tiếp theo, 6 tháng tổ chức sơ kết, 1 năm tổ chức đánh giá tổng kết công tác đảng [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]

Công đoàn xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học, kế hoạch hoạt động hàng tháng được đảng uỷ nhà trường phê duyệt. kế hoạch được đánh giá định kì và rà soát cho phù hợp với điều kiện thực tiễn. Cuối năm có hoạt động đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo năm học [H1-1.3-03]

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học, kế hoạch hoạt động hàng tháng được đảng uỷ nhà trường phê duyệt. Kế hoạch cũng được hoạch được đánh giá định kì và rà soát cho phù hợp với điều kiện thực tiễn [H1-1.3-04]

Mức 2:

Đảng bộ nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động đúng theo quy định của Đảng, trong 05 năm qua đảng bộ đều được Đảng bộ khối CCQ và doanh nghiệp tỉnh xếp loại Đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-01]

Hoạt động của công đoàn trường THPT DTNT N'Trang Long bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người lao động, nâng cao khối đoàn kết nội bộ của nhà trường; Đoàn thanh niên hoạt động tích cực, sôi nổi trong các hoạt động phong trào. Hoạt động của công đoàn, đoàn thanh niên góp phần tích cực trong hoạt động chung của nhà trường.[H1-1.3-03], [H1-1.3-04]

Mức 3:

Trong những năm qua Đảng bộ trường THPT DTNT N'Trang Long đều được Đảng bộ khối CCQ và doanh nghiệp tỉnh Đắk Nông xếp loại Đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-01]

Công đoàn tham gia hoạt động tích cực các hoạt động chung của trường, của công đoàn ngành cũng như của công đoàn tỉnh tổ chức, trong những năm qua công nhà trường luôn được công đoàn cấp trên công nhận Công đoàn cơ sở vững mạnh, công đoàn ngành xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-03]

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động tích cực trong các hoạt động phong trào, các hoạt động chung của đoàn khối, trong những năm qua Đoàn trường THPT DTNT N'Trang Long luôn được đoàn khối CCQ và doanh nghiệp tỉnh công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-04]

2. Điểm mạnh

Đảng bộ trường THPT DTNT N'Trang Long trực thuộc đảng bộ khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Đắk Nông, trong những năm qua luôn được đánh giá, xếp loại Đảng bộ cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động tích cực, hiệu quả, luôn được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Các tổ chức khác trong nhà trường hoạt động tích cực, có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số buổi sinh hoạt chi bộ của các chi bộ trực thuộc, nội dung sinh hoạt đôi khi chưa thật phong phú chủ yếu bàn bạc việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn dạy và học.

Tổ chức công đoàn đôi lúc triển khai các hoạt động phong trào chưa kịp thời, tuyên truyền ủng hộ tết vì người nghèo, chất độc da cam còn chậm trễ.

Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động tuyên truyền đến học sinh đôi lúc còn đơn điệu, chưa phong phú nên việc lôi cuốn, thu hút các em học sinh còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đảng uỷ nhà trường quán triệt, chỉ đạo Ban giám hiệu tiếp tục phát huy các điểm mạnh, nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và phụ trách các tổ chức trong nhà trường thông qua các đợt tập huấn và chương trình tự học, tự bồi dưỡng.

Thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cốt cán. Có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ nguồn cho các tổ chức đoàn thể. Có kế hoạch cải tiến nội dung sinh hoạt chi bộ trực thuộc sao cho phong phú hơn.

Đúc thúc ban chấp hành công đoàn, Đoàn thanh niên thường xuyên cập nhật các văn bản chỉ đạo của cấp trên, của Đảng uỷ để xây dựng Kế hoạch hoạt động thiết thực, hiệu quả phù hợp thực tiễn của nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THPT DTNT N'Trang Long là trường công lập, chuyên biệt hạng I nhà trường có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng theo quy định. Hiệu trưởng, có trình độ Tiến sỹ, cao cấp lý luận chính trị; Phó hiệu trưởng, Thạc sỹ, đại học, có bằng cao cấp, trung cấp lý luận chính trị - hành chính [H1-1.4-01]

Vào đầu năm học, Hiệu trưởng ban hành các Quyết định thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và tổ chức năng. Ban hành quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó theo

quy định tại Điều 16, Điều 17 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT, trường PT có nhiều cấp học [H1-1.4-02], [H1-1.4-03]

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, học kỳ và năm học nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và các hoạt động giáo dục khác theo quy định, các tổ họp định kỳ 2 lần/tháng để tổng kết lại hoạt động của tổ và xây dựng nghị quyết chương trình hoạt động trong thời gian tiếp theo. Mỗi lần sinh hoạt tổ chuyên môn đều có ghi biên bản đầy đủ trong sổ nghị quyết tổ. Nội dung các buổi sinh hoạt khá phong phú, đa dạng như: đánh giá việc dự giờ thăm lớp, tổ chức các chuyên đề về đổi mới phương pháp giảng dạy các môn học, thảo luận thống nhất những hoạt động, những bài dạy khó trong tuần. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 16 và 17 Điều lệ trường trung học [H1-1.4-04], [H1-1.4-05]

Mức 2:

Vào đầu năm học, Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng 01 chuyên đề/môn học. Chuyên đề được thực hiện báo cáo trước toàn thể hội đồng sư phạm nhà trường nhằm tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục bộ môn nói riêng và chất lượng giáo dục chung của nhà trường [H1-1.4-05]

Nhà trường ban hành kế hoạch kiểm tra nội bộ, thực hiện tốt việc tự kiểm tra nội bộ, trong đó có định kỳ rà soát đánh giá hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các tổ chức năng để kịp thời điều chỉnh, chỉ đạo các tổ thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao [H1-1.4-04], [H1-1.4-05]

Mức 3:

Tổ chuyên môn đã thực hiện sáng tạo các hoạt động chuyên môn, giúp các thành viên trong tổ đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Hoạt động tổ văn phòng hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động giảng dạy, lên lớp của cán bộ giáo viên, từ đó nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-04], [H1-1.4-05]

Thực hiện chỉ đạo của Ban giám hiệu nhà trường, hàng năm tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả chuyên đề về đổi mới phương pháp hình thức tổ chức dạy học, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường [H1-1.4-05]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có cơ cấu tổ chức các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đúng theo quy định Điều lệ trường Trung học. Đội ngũ lãnh đạo tổ có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm quản lý nhiều năm và tâm huyết với công việc. Luôn có sự đoàn kết tương trợ lẫn nhau nên là nòng cốt xây dựng và phát triển nhà trường. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng đầy đủ, kịp thời các loại kế hoạch hoạt động và có tính khả thi cao. Do vậy khi thực hiện các nhiệm vụ luôn chủ động, có sự phối hợp nhịp nhàng và đem lại hiệu quả cao. Sinh hoạt tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã đi vào nề nếp, phát huy được trí tuệ tập thể. Các tổ luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc xây dựng kế hoạch hoạt động năm học, kế hoạch hàng tháng của tổ văn phòng, tổ chức năng còn gặp nhiều khó khăn.

Tổ chuyên môn đa số là tổ ghép, do đó công việc thảo luận chuyên môn tổ gặp khó khăn. Kế hoạch của một số tổ đôi khi chưa chủ động và chưa sát với thực tế. Trong sinh hoạt tổ chuyên môn vẫn còn một vài giáo viên chưa mạnh dạn phát biểu xây dựng; chưa thật tích cực, tự giác đăng ký thao, hội giảng, hoặc tham gia phong trào, hội thi. Một số buổi sinh hoạt tổ chuyên môn thư ký ghi chép nội dung chưa thể hiện đầy đủ các vấn đề thảo luận trong tổ nên nội dung ghi trong sổ còn sơ sài.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chỉ đạo, kiện toàn, giúp đỡ tổ văn phòng, các tổ chức năng trong công tác soạn kế hoạch và thực hiện kế hoạch của tổ.

Tiếp tục phát huy những điểm mạnh của các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng. Kịp thời củng cố biên chế các tổ khi có giáo viên chuyển đi, chuyển đến. Sắp xếp ghép tổ để có đủ biên chế có tổ phó chuyên môn cùng chia sẻ công việc với tổ trưởng. Hiệu trưởng nhà trường tăng cường công tác chỉ đạo các tổ chuyên môn sinh hoạt theo nghiên cứu bài học. Tập huấn bồi dưỡng cho tổ trưởng kỹ năng sinh hoạt tổ chuyên môn theo nghiên cứu bài học. Kịp thời động viên, khuyến khích tạo điều kiện tốt nhất để giáo viên mạnh dạn phát biểu, đăng ký các tiết dạy thao giảng, hội giảng, tham gia các hội thi do trường và ngành tổ chức. Tăng cường công tác kiểm tra hồ sơ của tổ chuyên môn để nhắc nhở điều chỉnh kịp thời. Lãnh đạo trường dành thời gian để cùng dự sinh hoạt chuyên môn với tổ ít nhất một tháng một lần.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh đ ược tổ chức theo lớp; lớp học đ ược tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2022-2023 nhà trường có 15 lớp cấp THPT. Cụ thể: khối lớp 10: 05 lớp; khối lớp 11: 05 lớp; khối lớp 12: 05 lớp [H1-1.5-02], [H1-1.5-03], [H1-1.5-04]

Các lớp học của nhà trường đ ược tổ chức theo quy định. Mỗi lớp có lớp trưởng, 1 hoặc 2 lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học [H1-1.5-02]

Mỗi lớp được chia thành nhiều tổ học sinh. Mỗi tổ không quá 12 học sinh, có tổ trưởng, 01 tổ phó do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học [H1-1.5-02]

Mức 2:

Nhà trường bố trí số học sinh trong mỗi lớp của trường không quá 35 học sinh, theo quy định tại Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02], [H1-1.5-03]

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh/lớp không quá học sinh theo quy định tại Thông tư số 04/2023 ngày 23/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú [H1-1.5-01], [H1-1.5-03]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối lớp của cấp THPT, học sinh được tổ chức theo đơn vị lớp, số lượng học sinh/lớp đúng theo quy định tại Thông tư số 04/2023 ngày 23/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú

Mỗi lớp có lớp trưởng, 1 hoặc 2 lớp phó hoạt động tích cực là cánh tay nối dài của GV chủ nhiệm, giúp GV chủ nhiệm ổn định và duy trì nề nếp lớp tốt, tích cực tham gia các phong trào của trường, của ngành góp phần nâng cao kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trong nhà trường. Nhà trường luôn đảm bảo duy trì tốt sĩ số học sinh.

3. Điểm yếu

Học sinh dân tộc thiểu số chiếm 97%, phong tục tập quán của mỗi dân tộc khác nhau, do vậy việc hòa đồng của các em trong sinh hoạt tập thể lớp còn hạn chế.

Đa số học sinh nhà trường đến từ các buôn làng xa xôi, vùng biên giới có kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhiều phong tục tập quán còn lạc hậu, do vậy việc giáo dục các em có phần hạn chế trong nhận thức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì, kiên toàn tổ chức lớp học theo văn bản quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kiên toàn tổ chức tư vấn hướng nghiệp, ngoại khóa, giáo dục kỹ năng sống, định hướng các hoạt động tập thể cho học sinh

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ tủ lưu trữ hồ sơ tài chính, tài sản theo đúng quy định của Luật lưu trữ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sơ đồ đất, quyết định giao đất (bản chính) hằng năm. Các loại hồ sơ liên quan đến tài sản, tài chính được sắp xếp ngăn nắp tại phòng kế toán [H1-1.6-01], [H1-1.6-09]

Hàng năm, kế toán nhà trường đều tham mưu lãnh đạo lập dự toán, thực hiện thu chi, thống kê, báo cáo tài chính cơ sở vật chất đúng thời gian quy định, luôn công khai trước tập thể nhà trường. Hiệu trưởng thực hiện tốt việc tự kiểm tra quản lý sử dụng tài chính, tài sản mỗi năm ít nhất 2 cuộc. Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được công khai bàn bạc, trao đổi và điều chỉnh hằng năm cho phù hợp trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức lao động [H1-1.6-02], [H1-1.6-03], [H1-1.6-04], [H1-1.6-05], [H1-1.6-06], [H1-1.6-07]

Hiệu trưởng thường xuyên theo dõi, chỉ đạo sát sao và quản lý chặt chẽ việc sử dụng tài chính, cơ sở vật chất nhà trường ; có Quy chế chi tiêu nội bộ , có phần mềm quản lý tài sản, tài chính. Hàng năm có tổng hợp và báo cáo kinh phí ngân sách nhà nước. Cuối năm có tiến hành kiểm kê tài sản, tài chính theo quy định Cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường đều có ý thức quản lý, sử dụng tài sản luôn đúng mục đích, hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục trong nhà trường. [H1-1.6-01], [H1-1.6-07], [H1-1.6-08]

Mức 2:

Hiện nhà trường đang sử dụng phần mềm quản lý tài chính và phần mềm quản lý tài sản, thực hiện thanh toán qua tài khoản ngân hàng, hiệu trưởng ký chứng từ bằng chữ ký số [H1-1.6-08] .

Trong 5 năm qua, nhà trường không có vi phạm liên quan đến quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định.[H1-1.6-07]

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương

2. Điểm mạnh

Có hệ thống các văn bản quy định về quản lý tài chính, tài sản và lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo quy định;

Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước;

Xây dựng Quy chế chi nội bộ để chủ động trong quản lý và sử dụng các nguồn tài chính đúng mục đích, công khai, công bằng, minh bạch, hiệu quả, tăng cường quyền giám sát của từng cá nhân, tổ chức trong đơn vị đối với công tác quản lý tài chính và đảm bảo tiết kiệm trong chi tiêu.

Thực hiện thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, ký chứng từ bằng chữ ký số.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa xây dựng bảng danh mục hệ thống các văn bản hiện hành quy định về quản lý tài chính, tài sản.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng cần chỉ đạo cho bộ phận kế toán - Thủ quỹ lập sổ theo dõi tài sản cố định; bảng danh mục hệ thống các văn bản hiện hành quy định về quản lý tài chính, tài sản.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Vào cuối năm học, nhà trường tổ chức đánh giá, nhận xét kết quả bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ giáo viên, nhân viên và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cho năm học tiếp theo. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, nhận xét, tư vấn, thúc đẩy để mỗi cán bộ, giáo viên phát huy năng lực, tự học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ giáo viên, nhân viên, 100% cán bộ quản lý, giáo viên có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên và được đánh giá hoàn thành kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên theo quy định [H1-1.7-01]

Đầu mỗi năm học, căn cứ thực trạng nguồn nhân lực của nhà trường, Hiệu trưởng ra quyết định phân công công việc cho cán bộ quản lý, giáo viên rõ ràng, đúng năng lực, công khai, minh bạch [H1-1.7-02], [H1-1.7-03], [H1-1.7-04]

Cán bộ, giáo viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường trung học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020; Thông tư 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023; được nhà trường tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh; được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định khi được cử đi học; được hưởng tiền lương, phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác theo quy định của Chính Phủ. Được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và

được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo; được trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức tham gia quản lý nhà trường, được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, an toàn thân thể. Báo cáo tổng kết Công đoàn trường hàng năm có báo cáo đảm bảo các quyền cho giáo viên theo quy định Điều lệ trường trung học. Hàng năm CBQL, GV đều được đi tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ và được cử đi học lớp bồi dưỡng Lý luận chính trị. Được xét nâng lương, thâm niên nghề, vượt khung đúng hạn và nâng lương trước hạn khi có thành tích xuất sắc. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo luật giáo dục, Điều lệ trường trung học [H1-1.7-01], [H1-1.7-05], [H1-1.3-03]

Mức 2:

Nhà trường luôn quan tâm, áp dụng nhiều biện pháp để phát hiện và bồi dưỡng cán bộ, giáo viên có năng lực. Tạo điều kiện cho các thầy cô này tham gia nhiều lớp tập huấn, tự học; cung cấp trang thiết bị để giáo viên ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin phát huy năng lực và mở nhiều chuyên đề để cán bộ, giáo viên chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau [H1-1.7-01], [H1-1.7-02], [H1-1.7-03], [H1-1.3-03], [H1-1.4-05]

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số lượng và cơ cấu giáo viên đúng theo quy định trong Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo. Giáo viên bộ môn đều đảm bảo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được tập huấn bồi dưỡng đúng chuyên môn giảng dạy. Giáo viên đạt chuẩn 100%, trong đó đạt trên chuẩn 14,3% là điều kiện để đảm bảo chất lượng các mặt hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Mặc dù đạt tỷ lệ trình độ trên chuẩn cao, nhưng một vài giáo viên còn chậm đổi mới phương pháp giảng dạy theo Mô hình trường học mới. Nguyên nhân do một số giáo viên lớn tuổi, ngại thay đổi. Một số khác chưa thật nhiệt tình, tâm huyết với nhiệm vụ được giao, tham gia phong trào hội thi chưa tích cực; lực lượng giáo viên bộ môn mỏng (có môn chỉ 1GV/môn) khó khăn trong việc trao đổi chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì điểm mạnh trong công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CB, GV, NV; phân công nhân sự; đảm bảo quyền lợi cho CB, GV, NV.

Tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên trong việc học tập, bồi dưỡng; động viên khuyến khích GV lớn tuổi tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo hình thức bồi dưỡng ở tổ chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên cá nhân đảm bảo về thời gian, nội dung bồi dưỡng hợp lý.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đầu năm học nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và thực tiễn của nhà trường. Căn cứ kế hoạch giáo dục nhà trường ban hành các kế hoạch chi tiết chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của nhà trường trong năm học như: Kế hoạch hoạt động ngoại khoá, Kế hoạch chuyên môn, kế hoạch KTĐG, kế hoạch hoạt động thư viên, kế hoạch quản lý KTX[H1-1.8-01], [H1-1.8-02], [H1-1.8-04], [H1-1.8-05], [H1-1.1-04]

Nhà trường tổ chức thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục đề ra đầu năm như Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch đổi mới kiểm tra đánh giá, kế hoạch dạy học ngoại ngữ, kế hoạch giáo dục hướng nghiệp.... ;tổ chức cho các khối xây dựng thời khóa biểu dựa trên phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT, dạy đủ các môn học, đúng chương trình, đúng kế hoạch đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng quy định [H1-1.8-02], [H1-1.4-05], [H1-1.5-04], [H1-1.8-06]

Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo sát sao việc thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường, các hoạt động giáo dục và được rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời cho phù hợp với thực tiễn quá trình giảng dạy và điều kiện của năm học. [H1-1.8-02], [H1-1.4-05], [H1-1.5-04], [H1-1.8-06]

Mức 2:

Định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban, hàng tháng tổ chức họp hội đồng sư phạm nhà trường, Ban giám hiệu chỉ đạo các tổ chức đoàn thể, tổ chuyên môn, văn phòng kiểm tra, rà soát các kế hoạch, hoạt động giáo dục cho sát và phù hợp với thực tiễn. Thông qua kế hoạch nhà trường tất cả giáo viên bám sát và cụ thể hoá vào kế hoạch của cá nhân, của tổ khối, thực hiện đạt được hiệu quả. Chương trình giáo dục, quy định về chuyên môn, các hoạt động giáo dục đều được giáo viên thực hiện nghiêm túc và đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học [H1-1.8-06], [H1-1.1-04], [H1-1.4-05], [H1-1.8-02]

2. Điểm mạnh

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch giáo dục và kế hoạch thời gian năm học của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Nông nhà trường cụ thể hóa bằng các kế hoạch hoạt động chuyên môn năm, học kỳ, tháng. Các kế hoạch được triển khai đến toàn thể các tổ khối chuyên môn và giáo viên trong phiên họp chuyên môn đầu năm để thực hiện và từng tuần, tháng, học kỳ có tiến hành đánh giá kết quả đạt được của kỳ trước, xây dựng kế hoạch cho kỳ tiếp theo. Các giáo viên tích cực học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo mô hình trường học mới nên đã biết lựa chọn các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh. Trong các hoạt động giáo dục, nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi và đưa ra nhiều phương pháp để giúp đỡ học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi. Từ đó, tỉ lệ học sinh giỏi tăng và học sinh yếu giảm dần qua từng năm học.

3. Điểm yếu

Một số ít giáo viên còn chậm trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu đã đem lại kết quả nhưng còn hạn chế chưa có nhiều giải cao. Cơ sở vật chất còn thiếu do đó một số hoạt động bộ trợ cho hoạt động giáo dục, quản lý học sinh nội trú chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa việc xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch giáo dục để nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục toàn diện của đơn vị, tăng cường kiểm tra, nhắc nhở kịp thời việc xây dựng kế hoạch của các tổ chuyên môn và giáo viên, thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh việc thực hiện kế hoạch của các bộ phận để có giải pháp chỉ đạo kịp thời. Đồng thời, sắp xếp thời gian hợp lý để kiểm tra, đánh giá các kế hoạch đảm bảo đúng tiến độ đề ra.

Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động tập thể, hoạt động quản lý nội trú và các hoạt động khác của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn xây dựng Quy chế dân chủ trong hoạt động trường học theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính Phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Quy chế dân chủ của nhà trường được công khai và có sự đóng góp của cán bộ, viên chức tại Hội nghị cán bộ, viên chức vào đầu năm học. Quy chế dân chủ nêu rõ trách nhiệm từng thành viên trong nhà trường, trách nhiệm và quyền lợi của người dạy và người học nên hàng năm không có cán bộ, viên chức nào vi phạm Quy chế. Mỗi năm, nhà trường có báo cáo đánh giá việc thực hiện Quy chế dân chủ. Ban thanh tra nhân dân theo dõi và có báo cáo về việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường. Hàng năm Công đoàn tổ chức kiểm tra đánh giá việc thực hiện Quy chế dân chủ và báo cáo về cấp trên theo đúng quy định [H1-1.9-01], [H1-1.9-02], [H1-1.9-03], [H1-1.9-04], [H1-1.9-05], [H1-1.8-06]

Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động của nhà trường chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định của địa

phương và của ngành. Trong những năm qua nhà trường không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm pháp luật. Có 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên tiếp thu, quán triệt các nghị quyết của Đảng, học các lớp chính trị hè. Nhà trường chấp hành tốt sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương, thực hiện nghiêm chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở GDĐT. Thực hiện tốt Chỉ thị nhiệm vụ năm học của Bộ GDĐT, của UBND tỉnh và Quyết định khung thời gian của Sở GDĐT. Cuối mỗi năm học, nhà trường đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, việc cán bộ, giáo viên, nhân viên chấp hành chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đều có báo cáo về các cơ quan quản lý các cấp theo quy định. [H1-1.8-06], [H1-1.9-04], [H1-1.9-02], [H1-1.9-01], [H1-1.9-06]

Nhà trường thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất đầy đủ theo quy định, Các báo cáo được cập nhật vào sổ theo dõi công văn đi, đến và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, Cụ thể như: các loại báo cáo sơ, tổng kết năm học, báo cáo chất lượng từng học kỳ, đầu năm, cuối năm. Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ mỗi năm được thông qua Hội nghị CB,CC,VC lao động...[H1-1.9-04], [H1-1.9-06], [H1-1.1-04]

Mức 2:

Thực hiện quy chế dân chủ và cơ chế giám sát một cách minh bạch, công khai, do đó trong những năm qua nhà trường không có hiện tượng đơn thư khiếu tố, khiếu nại. Các hoạt động của nhà trường được bàn bạc thông qua công khai dân chủ, minh bạch nên đã thúc đẩy chất lượng hoạt động của nhà trường ngày càng phát triển [H1-1.9-01], [H1-1.8-06], [H1-1.9-06], [H1-1.3-03]

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh nếu thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đầy đủ, đúng pháp luật.

Nhà trường thực hiện nghiêm chỉnh các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chấp hành nghiêm sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương, sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan quản lý giáo dục. Cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường chấp hành tốt Chỉ thị, Nghị quyết của cấp ủy Đảng và các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nội quy, quy chế của trường và của ngành. Chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất được nhà trường thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng, đủ, kịp thời. Chế độ thông tin báo cáo đã trở thành nề nếp ở đơn vị. Hàng năm nhà trường đều xây dựng quy chế dân chủ trong hoạt động nhà trường đầy đủ, đúng quy trình và tổ chức thực hiện tốt, do đó dân chủ trong nhà trường được phát huy, từ đó các hoạt động của nhà trường cũng đạt hiệu quả cao hơn, tập thể luôn giữ được mối đoàn kết và xây dựng tập thể sư phạm vững mạnh.

3. Điểm yếu

Một số cán bộ, giáo viên và nhân viên chưa đóng góp ý kiến nhiều trong các cuộc họp nhà trường.

Sự phối hợp giữa một số GV chủ nhiệm lớp với ban chấp hành Đoàn trường, tổ Quản lý học sinh chưa thật chặt chẽ, nhịp nhàng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Củng cố chế độ báo cáo cho thật hợp lý, phù hợp với đơn vị, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ làm việc nhanh gọn hiệu quả. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho bộ phận văn thư; xử lý tốt các biểu mẫu báo cáo. Chỉ đạo văn thư thường xuyên theo dõi và cập nhật thông tin trên mạng Internet. Tăng cường nhắc nhở sự phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm lớp ban chấp hành Đoàn trường, tổ Quản lý học sinh để nâng cao hơn nữa chất lượng các mặt hoạt động của nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống các dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên; Nghiêm túc chấp hành các qui định về phòng chống cháy nổ. Trang bị đủ những phương tiện phòng cháy, chữa cháy theo qui định, bố trí các bình chữa cháy ở những khu vực hợp lý, dễ thấy như: dãy phòng học, thư viện, thiết bị, chân cầu thang. [H1-1.10-01], [H1-1.10-02], [H1-1.10-03], [H1-1.10-04], [H1-1.10-05], [H1-1.2-06]

Nhà trường có bố trí hộp thư góp ý, niêm yết nội quy và số điện thoại đường dây nóng, bố trí cán bộ trực tiếp dân hàng ngày. Thường xuyên kiểm tra định kỳ và thay thế những bình đã hết thời hạn sử dụng. Kiểm tra hệ thống điện sử dụng trong nhà trường như đường dây, hệ thống đèn, quạt.... Trong những giờ cao điểm tắt nguồn điện ở những khu vực không hoạt động. Xây dựng ý thức tiết kiệm điện trong cán bộ, giáo viên, nhân viên. Khu vực nhà kho, gầm cầu thang được kiểm tra và vệ sinh thường xuyên. Khuôn viên

trường có xây dựng công trường, hàng rào bảo vệ, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự; Xây dựng kế hoạch giáo dục An toàn giao thông và kế hoạch phối hợp giáo dục học sinh. Cơ sở cung cấp thức ăn cho trường có đầy đủ giấy tờ pháp lý, giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.9-01]

Học sinh được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được phổ biến kiến thức về bình đẳng giới. Trường không có các tệ nạn xã hội; không có hiện tượng kỳ thi, vi phạm về giới cũng như bạo lực học đường trong nhà trường. Cuối năm nhà trường có đánh giá nhà trường không có hiện tượng kỳ thi, vi phạm về giới, bạo lực học đường [H1-1.2-06], [H1-1.9-01], [H1-1.1-04]

Mức 2:

Mỗi năm học, nhà trường đều phối hợp chặt chẽ với trạm y tế, Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đắk Nông, tăng cường công tác tuyên truyền phòng chống tai nạn, thương tích: Thông qua tiết sinh hoạt chào cờ đầu tuần, sinh hoạt chủ nhiệm, bản tin, phát loa phóng thanh cho học sinh hiểu và nắm bắt được những biện pháp phòng ngừa, phòng chống tai nạn, thương tích có thể xảy ra. Công tác tuyên truyền đã thực hiện thường xuyên trong năm học và được xác định rõ mục đích: tuyên truyền để phòng chống và ngăn ngừa. Xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích trên cơ sở các lớp học an toàn, môi trường xung quanh an toàn và các can thiệp phòng chống tai nạn, thương tích có hiệu quả tại trường học, phòng chống ma túy [H1-1.1-04], [H1-1.8-06], [H1-1.10-04]

Ban giám hiệu nhà trường thường xuyên chỉ đạo, giám sát, kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.8-06], [H1-1.10-05], [H1-1.2-06]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có kế hoạch tuyên truyền đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

Hàng năm nhà trường kết hợp với phòng PV 05 công an tỉnh đã đề ra kế hoạch, phương án đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực trường học. Y tế học đường nhà trường luôn xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm.

Thành lập đội xung kích cùng giáo viên trực thường xuyên kiểm tra, đánh giá, nhắc nhở kịp thời. CB-VC, học sinh của trường có ý thức thực hiện góp phần đảm bảo tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường. Trong năm qua, nhà trường không để xảy ra hiện tượng mất trật tự, an ninh.

3. Điểm yếu

Công tác phối hợp giữa Tổ QLHS và GVCN với lực lượng bảo vệ nhà trường vẫn còn chưa kịp thời. Một số ít GVCN chưa quan tâm đúng mức để hỗ trợ Tổ QLHS trong theo dõi nề nếp sinh hoạt của HS tại KTX.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục giữ mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, chính quyền, nhân dân địa phương làm tốt công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kết hợp với chính quyền địa phương, trung tâm y tế dự phòng tuyên truyền thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh thực phẩm trường học. Thông qua các buổi sinh hoạt dưới cờ, hội nghị hội CMHS tuyên truyền công tác chống tai nạn thương tích.

Duy trì hằng tuần công tác giao ban, xây dựng cơ chế phối hợp cụ thể giữa Tổ QLHS và GVCN với lực bảo vệ nhà trường trong công tác quản lý HS nhằm thực hiện tốt hơn nữa việc giáo dục HS về chấp hành các quy định, đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Nhà trường có cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định tại Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Có lớp học, số học sinh, điểm trường theo quy định của Điều lệ nhà trường. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội cha mẹ HS và các tổ chức xã hội khác của nhà trường hoạt động có hiệu quả đúng quy định của pháp luật và đảm bảo theo Điều lệ trường học. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các bộ phận đều được tổ chức hoạt động đồng bộ, đúng chức năng nhiệm vụ và có sự chỉ đạo kiểm tra chặt chẽ của Ban giám hiệu trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo Điều lệ nhà trường nên luôn đem lại hiệu quả thiết thực. Cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động trong nhà trường chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp. Không có hiện tượng vi phạm pháp luật hoặc tệ nạn xã hội, không có hiện tượng vi phạm quy chế chuyên môn; đảm bảo Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường. Thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua. Hoạt động tài chính minh bạch rõ ràng thực hiện theo đúng văn bản chỉ đạo.

Cơ sở vật chất còn hạn chế, do đó hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp hình thức còn chưa phong phú.

Nhà trường chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đang liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 3: Đạt Mức 3: 10/10 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường có đủ mọi điều kiện và năng lực để thực hiện tốt các hoạt động giáo dục. Cán bộ quản lý không những có phẩm chất đạo đức trong sáng, lành mạnh, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ mà còn luôn tận tụy, tâm huyết với công việc. Ban giám hiệu nhà trường có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, hướng dẫn tận tình cho giáo viên khi gặp khó khăn. Số lượng giáo viên, nhân viên của trường có đủ và đảm bảo đồng bộ về cơ cấu, đều được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được giao. Hoạt động chuyên môn và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ được đội ngũ giáo viên trong trường thực hiện tốt. Hàng năm trường đều có giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp tỉnh. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường luôn nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau. Giáo viên, nhân viên nhà trường luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của pháp

luật. Học sinh của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đúng quy định tại Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học và của pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THPT DTNT N'Trang Long có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng đều có văn bằng chứng chỉ đúng theo quy định, có đủ số năm dạy học trước khi bổ nhiệm theo quy định [H2-2.1-01], [H2-2.1-02]

Hàng năm, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H2-2.1-03], [H2-2.1-04]

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng của trường có trình độ Đại học sư phạm, có bằng nghiệp vụ sư phạm theo quy định hiện hành. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều được bồi dưỡng, tập huấn về chính trị, quản lý. Hiệu trưởng đã được tập huấn lớp quản lý chủ tài khoản, tốt nghiệp lớp cao cấp Chính trị-Hành chính. Ban giám hiệu đều tham gia học và đạt chứng chỉ B, B1 Tin học, Anh văn. Hàng năm hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được tham dự đầy đủ các lớp chính trị hè và các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định [H2-2.1-01], [H2-2.1-02]

Mức 2:

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng của trường 05 năm qua đều được đánh giá, xếp loại chuẩn hiệu trưởng loại khá trở lên [H2-2.1-03], [H2-2.1-04]

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có bằng trung cấp, cao cấp lý luận chính trị, nhiều năm qua luôn được tập thể CB, GV, NV tín nhiệm [H2-2.1-01], [H2-2.1-02]

Mức 3:

Trong những năm qua, Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được Sở giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt chuẩn ở mức khá trở lên [H2-2.1-03], [H2-2.1-04]

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý nhà trường đảm bảo các tiêu chuẩn quy định của Điều lệ trường trung học, trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định khác, có năng lực quản lý tốt, có kinh nghiệm và tâm huyết với công tác quản lý giáo dục.

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều có số năm dạy học theo quy định, Các đồng chí đều có sức khoẻ tốt, lãnh đạo, chỉ đạo nhà trường đạt hiệu quả cao. Có tác phong mẫu mực, gương mẫu trong mọi lĩnh vực, có lối sống lành mạnh, trong sáng, được mọi người tin yêu tín nhiệm. Hàng năm Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều được Sở GDĐT xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được học tập, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị do đó luôn lãnh đạo tốt các mặt hoạt động của đơn vị.

3. Điểm yếu

Cán bộ quản lý còn hạn chế trong giao tiếp với học sinh bằng ngôn ngữ người dân tộc thiểu số

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tự học, tự bồi dưỡng nâng cao khả năng lãnh đạo, quản trị nhà trường đáp ứng sự phát triển chung của xã hội; Nâng cao khả năng trao đổi với học sinh bằng ngôn ngữ người dân tộc thiểu số

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tổng số giáo viên nhà trường có 35 giáo viên dạy 15 lớp học, tỷ lệ 2,33 GV/lớp. Số lượng giáo viên đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 59/2008/TT-BGDĐT/BGDĐT ngày 31/10/2008 về hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục công lập, đủ số lượng và cơ cấu đảm bảo để dạy các môn học bắt buộc theo quy định. Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H1-1.8-02], [H1-1.2-02]

Giáo viên của trường có 35/35 người đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo Điều lệ trường trung học, đạt tỉ lệ 100%, trong đó có 5/35 GV đạt trình độ trên chuẩn [H2-2.2-02], [H2-2.2-01]

Cuối năm học Hiệu trưởng tổ chức đánh giá giáo viên theo quy định và đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư số 20/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT. Kết quả hàng năm có 100% GV được đánh giá mức độ đạt trở lên [H2-2.2-03], [H2-2.2-04]

Mức 2:

Đến thời điểm hiện tại tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt 14,3%, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định hàng năm [H2-2.2-01], [H2-2.2-03], [H2-2.2-04]

Trong những năm qua, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 90% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H1-1.2-02], [H2-2.2-03], [H2-2.2-04].

Trường có tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh, có kế hoạch phân luồng học sinh. Trong 5 năm qua, nhà trường không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.8-02], [H1-1.4-05]

Mức 3:

Trong những năm qua, giáo viên nhà trường luôn được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên, trong đó 90% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt, 20% đạt chuẩn nghề nghiệp mức khá [H2-2.2-03], [H1-1.2-02], [H2-2.2-02]

Hàng năm nhà trường tổ chức cho giáo viên báo cáo các chuyên đề nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, chia sẻ nghiệp vụ giảng dạy với đồng nghiệp [H1-1.4-05]

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên đủ về số lượng theo quy định, 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, tỷ lệ giáo viên đạt trình độ chuẩn 14,3%. Đa số giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có kinh nghiệm, tâm huyết với nghề, luôn phát huy tốt năng lực chuyên môn trong giảng dạy.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ giáo viên còn thừa thiếu cục bộ theo từng bộ môn, Giáo viên nhà trường kiêm nhiệm nhiều công việc, do đó ảnh hưởng đến kết quả giảng dạy.

Nhà trường chưa có giáo viên làm công tác tư vấn cho học sinh theo quy định.

Một số giáo viên trình độ tin học còn hạn chế nên việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Sắp xếp, bố trí nhân sự hợp lý để có giáo viên làm công tác tư vấn cho học sinh đảm bảo theo quy định

Tổ chức và động viên cán bộ giáo viên tự học tin học để nâng cao việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Vào đầu năm học, Hiệu trưởng nhà trường phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động, bố trí phân công kiêm nhiệm các nhiệm vụ khác phù hợp với năng lực, sở trường của cá nhân, đảm bảo chất lượng công việc được giao. [H1-1.7-03], [H2-2.2-02], [H2-2.3-01]

Căn cứ trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác, vị trí công việc đảm nhận, hiệu trưởng nhà trường ra quyết định phân công nhiệm vụ cho nhân viên đảm bảo hoàn thành tốt nhất công việc và nhiệm vụ của nhà trường và đúng quy định của pháp luật [H2-2.2-02], [H1-1.7-03]

Ban giám nhà trường kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao; nhân viên kế toán thực hiện công tác tài chính trong nhà trường, kịp thời cấp phát lương, phụ cấp và các chế độ khác cho cán bộ, giáo

viên, nhân viên. Thực hiện hạch toán kế toán, báo cáo tài chính, giúp hiệu trưởng quản lý hiệu quả các nguồn kinh phí hiện có. Nhân viên bảo vệ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cơ sở vật chất, tài sản, an ninh, trật tự nhà trường. Nhân viên thiết bị, điện nước, cấp dưỡng Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H2-2.2-04]

Mức 2:

Căn cứ các quy định tại Thông tư số 59/2008/TT-BGDĐT, Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT thì biên chế của nhà trường còn thiếu 01 nhân viên phụ trách giáo vụ, 01 nhân viên y tế [H1-1.7-03], [H2-2.2-02]

Hàng năm, nhà trường đánh giá xếp loại nhân viên theo quy định . Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-04] .

Mức 3:

Nhân viên kế toán, y tế, văn thư của nhà trường có trình độ theo đúng chuyên môn được giao, đáp ứng được vị trí việc làm theo quy định. Nhân viên bảo vệ, cấp dưỡng được bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định, đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H2-2.3-01], [H2-2.2-02]

Hiệu trưởng nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện cho nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công. Các giáo viên kiêm nhiệm vị trí nhân viên chưa được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công [H2-2.3-01]

2. Điểm mạnh

Nhân viên đảm bảo về số lượng, trình độ chuyên môn đáp ứng vị trí việc làm được giao, có tinh thần trách nhiệm cao và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhân viên đều đạt trình độ chuẩn về trình độ chuyên môn theo quy định. Hiệu trưởng luôn quan tâm, đảm bảo các quyền của nhân viên, quan tâm tạo điều kiện cho nhân viên làm việc và học tập, bố trí và sử dụng nhân viên phù hợp với năng lực của nhân viên.

3. Điểm yếu

Hiện nay nhà trường vẫn còn thiếu nhân viên phụ trách giáo vụ, 01 nhân viên y tế; không có văn bản để làm căn cứ xác định số lượng nhân viên cấp dưỡng, do đó khó khăn cho nhà trường trong việc tuyển nhân viên cấp dưỡng

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tham mưu với Sở GD&ĐT tuyển nhân viên giáo vụ, nhân viên y tế; Đề xuất với sở GD&ĐT có hướng giải quyết vấn đề tuyển dụng số lượng nhân viên cấp dưỡng cho phù hợp với thực tế, đảm bảo đủ số lượng người nuôi dưỡng, chăm sóc học sinh hiệu quả.

Cử cán bộ nhân viên tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm được giao

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng nhà trường xây dựng kế hoạch và phương án tuyển sinh hàng năm trình Sở GDĐT phê duyệt, thực hiện tuyển sinh đầu vào đúng theo quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020; Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023. Hàng năm, nhà trường điều lập danh sách học sinh các lớp học, có thông tin về năm sinh và đúng độ tuổi theo qui định độ tuổi của học sinh. Đầu năm học có cập nhật đầy đủ Sổ theo dõi chất lượng và sổ đăng bộ [H2-2.4-01], [H1-1.5-01], [H1-1.5-03]

Nhà trường có xây dựng kế hoạch, nội quy học sinh và triển khai nội quy, nhiệm vụ của học sinh đến tất cả học sinh, cụ thể có 100% học sinh của trường thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của người học theo điều lệ trường học, quy chế hoạt động trường nội trú [H1-1.5-02], [H1-1.10-05], [H1-1.2-06], [H1-1.2-03]

Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường trung học, quy chế hoạt động của trường PT DTNT: Được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập ở lớp và tự học ở nhà, được cung cấp thông tin về việc học tập của mình, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, thể thao của nhà trường theo quy định; Được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được quyền khiếu nại với nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình; được quyền học chuyển trường khi có lý do chính đáng theo quy định hiện hành; được học trước tuổi, học vượt lớp, học ở tuổi cao hơn tuổi quy định; Được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức nếu có đủ điều kiện; được giáo dục kỹ năng sống; Được nhận học bổng hoặc trợ cấp khác theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn về đời sống và những học sinh có năng lực đặc biệt; Được Giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc mình, tôn trọng văn hóa của các dân tộc khác; Chấp hành nghiêm túc sự phân công đi học ngành, nghề và sự phân công công tác theo yêu cầu của địa phương; Được ăn, ở, sinh hoạt trong khu nội trú và được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi theo quy định của Nhà nước [H2-2.4-01], [H1-1.5-01], [H2-2.4-02], [H1-1.5-02], [H1-1.2-06], [H1-1.10-05]

Mức 2:

Trong nhiều năm qua, nhà trường luôn quan tâm đến công tác giáo dục đạo đức, phẩm chất cho học sinh. Vì vậy học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực. trong năm qua nhà trường không có HS bị kỷ luật [H1-1.2-06], [H1-1.10-05], [H1-1.2-03]

Mức 3:

Trong những năm qua nhà trường cũng chú trọng việc phát hiện và nhân rộng điển hình tiên tiến. Vì vậy những học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện đều được tuyên dương, khen thưởng kịp thời và có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H2-2.4-03], [H2-2.4-04], [H2-2.4-06]

2. Điểm mạnh

Nhà trường tuyển sinh hàng năm đảm bảo quy định về độ tuổi, đúng theo quy định Thông tư số 32/2000/TT-BGDĐT, Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT. Học sinh thực hiện tốt nội quy của nhà trường và giao tiếp có văn hóa. Xây dựng và duy trì được hoạt động của đội xung kích, ngăn ngừa và xử lý kịp thời các biểu hiện vi phạm đạo đức;

Giáo viên chủ nhiệm luôn quan tâm sát sao tới từng học sinh và kịp thời uốn nắn những vi phạm của học sinh;

Sau mỗi học kỳ, nhà trường đều có đánh giá, xếp loại hạnh kiểm học sinh theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT

3. Điểm yếu

\Một số ít học sinh chưa chấp hành tốt nội quy ký túc xá, còn tùy tiện trong thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng KTX xanh, sạch, đẹp

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy công tác tuyên truyền, giáo dục nội quy, Điều lệ trường phổ thông tới phụ huynh và học sinh, để các em thực hiện tốt nội quy của nhà trường;

Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ GVCN lớp, chọn những giáo viên có năng lực và tâm huyết với nghề, có tinh thần trách nhiệm quan tâm đến lớp và có những giải pháp hữu hiệu để giáo dục học sinh cá biệt trong công tác chủ nhiệm;

Tổ chức có hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp nhằm phát triển giáo dục toàn diện học sinh

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có số năm dạy học đúng theo quy định và cuối mỗi năm được đánh giá đúng quy định. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được bồi dưỡng tập huấn về chính trị và quản lý giáo dục. Trường có đủ giáo viên, đạt trình độ chuyên môn theo quy định; 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn; không có giáo viên xếp loại yếu kém. Giáo viên, nhân viên trong trường được đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định. Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và thực hiện đúng quy định về hành vi không được làm tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.

Một số ít GV năng lực giảng dạy không đồng đều, còn lúng túng trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế. Một vài học sinh có lúc thực hiện chưa tốt nội quy nhà trường như: có ngày nghỉ học không xin phép, thực hiện giờ giấc học tập chưa tốt, đôi khi chưa chuẩn bị bài tốt khi đến trường dẫn đến học lực yếu có nguy cơ ở lại lớp, bỏ học. Nhân viên còn kiêm nhiệm và chưa được tập huấn nghiệp vụ chuyên môn đầy đủ.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 3: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trong nhiều năm qua lãnh đạo nhà trường đã không ngừng tranh thủ các nguồn đầu tư của nhà nước, các nguồn xã hội hóa để chăm lo sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất và tăng cường trang thiết bị dạy học và quy hoạch ổn định khuôn viên. Đến nay trường có diện tích khuôn viên tương đối rộng, có hệ thống biển trường và tường rào bảo vệ. Trường có đầy đủ phòng học phục vụ cho hoạt động dạy và học. Phòng vi tính, thư viện, thiết bị được trang bị các một số trang thiết bị, đồ dùng dạy học đáp ứng phần nào được nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên và học sinh.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tổng diện tích đất của nhà trường đang sử dụng xây dựng trường học và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk giao là 30.600m². Hằng năm nhà trường có kế hoạch để thực hiện việc xanh hóa lớp học, thường xuyên nhắc nhở giáo viên, học sinh thực hiện việc xây dựng trường xanh - sạch - đẹp và an toàn [H3-3.1-01], [H3-3.1-03], [H3-3.1-02]

Nhà trường có cổng trường, có biển tên trường phù hợp với cấp học được quản lý, có hệ thống tường rào bao quanh được xây dựng kiên cố [H3-3.1-03]

Diện tích rộng nhưng sân chơi chưa được quy hoạch ổn định, bãi tập chưa đảm bảo quy định tối thiểu phục vụ giảng dạy và hoạt động giáo dục ngoài giờ trong nhà trường [H3-3.1-01], [H3-3.1-03]

Mức 2:

Với đặc thù trường PT DTNT, 100% học sinh ăn ở nội trú nên đòi hỏi diện tích sân chơi, sân tập đủ lớn cho các em sinh hoạt. Hiện nay khu sân chơi bãi tập của nhà trường chỉ mới đảm bảo diện tích tối thiểu cho học sinh luyện tập. [H3-3.1-03]

Mức 3:

Diện tích sân chơi đáp ứng đủ cho học sinh tập luyện, sinh hoạt nội trú cũng như giảng dạy, sinh hoạt các hoạt động tập thể, hoạt động trải nghiệm [H3-3.1-03]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, biển trường và tường rào bao quanh theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Khuôn viên nhà trường luôn được giữ gìn vệ sinh đảm bảo môi trường “xanh – sạch – đẹp”. Diện tích rộng, mặt bằng của nhà trường tính theo đầu học sinh bình quân các năm đạt trên 72 m²/học sinh (tính cả khuôn viên KTX). Trường có đủ khu sân chơi bãi tập cho học sinh hoạt động nội trú, sinh hoạt các hoạt động tập thể, hoạt động trải nghiệm

3. Điểm yếu

Hệ thống tường rào bảo vệ xung quanh KTX, trường học một số chỗ đã xuống cấp, hư hỏng không còn chức năng bảo vệ. Hệ thống nhà vệ sinh quá tải, nhà tắm học sinh xuống cấp. Diện tích sân chơi chưa được quy hoạch ổn định. Sân trường còn bị đọng nước vào mùa mưa, gây trơn trượt

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tiếp theo, nhà trường sẽ huy động các nguồn vốn để thực hiện duy tu bảo dưỡng tường rào KTX học sinh để tăng cường đảm bảo an toàn, và làm đẹp cảnh quan môi trường; xây dựng thêm nhà vệ sinh, nhà tắm học sinh

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 15 phòng học dành cho 15 lớp đảm bảo học một ca, phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, đủ bàn ghế phù hợp với học sinh, có bàn ghế của giáo viên, bảng viết đảm bảo đúng quy định [H3-3.2-01], [H3-3.2-04]

Trường có phòng sinh hoạt chuyên môn: Phòng tổ KHTN 01, phòng tổ KHTN 02, phòng tổ Văn- Ngoại ngữ, phòng tổ sử -địa-GDCD, các phòng thí nghiệm lý, hoá, sinh theo quy định [H3-3.2-01], [H3-3.2-04]

Trường có đầy đủ các phòng cho hoạt động Đoàn và phòng truyền thống, phòng thư viện phục vụ cho các hoạt động của nhà trường [H3-3.2-02], [H3-3.2-04], [H3-3.2-03]

Mức 2:

Phòng học của học sinh đảm bảo đủ ánh sáng, đủ bàn ghế phù hợp với học sinh, có bàn ghế của giáo viên, bảng viết đảm bảo đúng quy định [H3-3.2-01], [H3-3.2-04], [H3-3.2-03]

Khôi phục vụ học tập, giảng dạy như: Phòng học bộ môn, phòng thư viện; phòng thí nghiệm thực hành; phòng hoạt động đoàn; phòng ứng dụng CNTT; phòng dạy tiếng anh ...đáp ứng yêu cầu hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.2-03], [H3-3.2-04]

Mức 3:

Phòng học, các phòng học bộ môn trang bị đầy đủ thiết bị dạy học theo quy định. Có nhà đa chức năng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh [H3-3.2-01], [H3-3.2-03], [H3-3.2-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng học để học 2 buổi/ ngày; phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, bàn ghế tương đối phù hợp với học sinh, có bàn ghế của giáo viên, bảng viết đúng quy cách; Các phòng bộ môn, phòng truyền thống; phòng thí nghiệm thực hành và khôi phục vụ học tập được trang bị đầy đủ các trang thiết bị thiết yếu đáp ứng tốt, hoạt động hiệu quả.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn thiếu trang thiết bị hiện đại trang bị cho các phòng học, diển tích phòng học nhỏ; Hệ thống máy tính phục vụ cho giảng dạy và học tập còn thiếu; Dụng cụ thí nghiệm thực hành còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm tiếp theo, tham mưu các cấp lãnh đạo đề nghị trang bị dụng cụ phòng thí nghiệm thực hành; thành lập tổ kiểm tra, rà soát lại các bộ bàn ghế đã sửa chữa nhiều lần mà không còn hiệu quả sử dụng. Trang bị thêm hệ thống máy tính phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khôi hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;
- b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;
- c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Khối hành chính quản trị của nhà trường có đầy đủ các phòng theo quy định: Phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; Phòng kế toán, phòng văn thư, phòng y tế học đường, phòng chờ giáo viên, phòng họp hội đồng, phòng công đoàn [H3-3.3-01], [H3-3.2-04]

Khu vực để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên, người lao động được bố trí hợp lý, đảm bảo mỹ quan, an toàn, trật tự [H3-3.3-02]

Khối hành chính quản trị định kỳ được rà soát bổ sung trang thiết bị làm việc, đảm bảo đủ trang thiết bị tối thiểu phục vụ cho hoạt động của nhà trường [H3-3.2-04], [H3-3.2-03]

Mức 2:

Khối hành chính quản trị của nhà trường có đầy đủ các phòng theo quy định: Phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng kế toán, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng họp hội đồng, phòng chờ giáo viên...; Khu vực bếp ăn của học sinh, phòng ăn của học sinh, phòng ở KTX đảm bảo đủ ánh sáng, đủ điều kiện đảm bảo sức khỏe, vệ sinh cho học sinh trong quá trình sinh hoạt, hoạt động nội trú [H3-3.3-03], [H3-3.2-03], [H3-3.2-04]

Mức 3:

Khối hành chính quản trị được sắp xếp hợp lý, khoa học, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị thiết yếu phục vụ cho quá trình làm việc nhằm đem lại hiệu quả cao trong công việc, hỗ trợ tốt nhất cho các hoạt động của nhà trường, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường [H3-3.3-01], [H3-3.3-02], [H3-3.3-03], [H3-3.2-03], [H3-3.2-04]

2. Điểm mạnh

Khối hành chính quản trị nhà trường có đầy đủ các phòng theo quy định: Phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng kế toán, phòng văn thư, phòng y tế học đường, phòng chờ giáo viên, phòng họp... Tất cả các phòng đều được trang bị đầy đủ các thiết bị thiết yếu phục vụ tốt nhất cho quá trình làm việc nhằm hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động giảng dạy, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

3. Điểm yếu

Khôi hành chính quả trị nhà trường mặc dù được trang bị đầy đủ các thiết bị thiết yếu, tuy nhiên còn thiếu trang thiết bị hiện đại, một số phòng chưa có hệ thống bàn ghế chuyên dụng, cố định mà đang kê tạm bàn ghế học sinh chưa đảm bảo yêu cầu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo có kế hoạch trang bị hệ thống bàn làm việc cố định, chuyên dụng, hệ thống trang thiết bị hiện đại cho các phòng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có khu vệ sinh dùng riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh, được chia ra riêng biệt cho nam và nữ thuận lợi cho cán bộ giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh trong quá trình sinh hoạt [H3-3.4-01]

Hệ thống cấp, thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường, đúng quy định; Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường; Học sinh được cấp nước uống đúng quy định [H3-3.4-02], [H3-3.4-04], [H3-3.4-05]

Rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường luôn xanh, sạch, đẹp [H3-3.4-03]

Mức 2:

Khu vệ sinh của học sinh được quy hoạch phục vụ cho khu vực KTX, khu vực trường học phù hợp với thực tế, cảnh quan nhà trường, đảm bảo thuận tiện cho học sinh trong quá trình sinh hoạt [H3-3.4-01]

Nhà trường đã bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế, rác thải sinh hoạt được thu gom hàng ngày; Rác thải y tế được cán bộ y tế thu gom xử lý riêng theo quy định của bộ y tế; Hệ thống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt độc lập, đảm bảo hiệu quả,

không có tình trạng ứ đọng nước thải sinh hoạt, nước mưa trong khuôn viên nhà trường. [H3-3.4-03], [H3-3.2-04]

2. Điểm mạnh

Khu vực vệ sinh được bố trí riêng biệt phục vụ cho khu vực KTX, khu vực giảng đường, có khu vực vệ sinh dành riêng cho cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh, khu vệ sinh nam, nữ được bố trí hợp lý, phù hợp, thuận tiện cho quá trình sinh hoạt của cán bộ giáo viên và học sinh.

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, thoát nước mưa riêng biệt, hoạt động hiệu quả không có tình trạng ứ đọng nước trong khuôn viên nhà trường.

Rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý hàng ngày, có hệ thống thu gom, xử lý đúng quy định; rác thải y tế được cán bộ y tế thu gom xử lý riêng biệt theo quy định của ngành y tế.

Nguồn nước sạch sinh hoạt đủ để phục vụ cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường; học sinh được cung cấp nước uống đầy đủ theo quy định

3. Điểm yếu

Khu vệ sinh học sinh đã được bố trí riêng biệt dành cho học sinh nam và học sinh nữ, tuy nhiên vẫn còn tình trạng quá tải, không đáp ứng đủ nhu cầu của hơn 400 học sinh hàng ngày, khu vực nhà tắm học sinh đã xuống cấp, quá tải

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tăng cường công tác tham mưu với các cấp có thẩm quyền để có kinh phí tu bổ, sửa chữa khu nhà tắm cho học sinh, xây dựng thêm nhà tắm đáp ứng nhu cầu sử dụng của học sinh

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng

hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các loại thiết bị văn phòng thiết yếu: máy vi tính để bàn, Lap top, máy in, máy phô tô, máy scan, tivi để phục vụ công tác quản lý và giảng dạy [H3-3.2-04], [H3-3.2-03]

Phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm thực hành, phòng học ứng dụng CNTT, phòng tin học, phòng dạy học tiếng anh có đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định: Máy vi tính, Ti vi, thiết bị thí nghiệm thực hành tối thiểu theo danh mục quy định. Các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu trong quá trình dạy học của giáo viên và học sinh [H3-3.5-01], [H3-3.2-03], [H3-3.2-04]

Nhà trường chỉ đạo cán bộ thiết bị tổ chức kiểm kê trang thiết bị vào đầu năm và cuối năm học, có kế hoạch sử dụng, bảo quản, mua sắm và sửa chữa, nâng cấp đồ dùng và thiết bị dạy học. Cán bộ phụ trách công tác thiết bị luôn chú trọng công tác bảo quản kho thiết bị, tham mưu phòng chống mối mọt kịp thời nên ĐDDH luôn được bảo quản sử dụng tốt [H3-3.5-01], [H1-1.8-05], [H3-3.2-03]

Mức 2:

Hệ thống máy tính các phòng khối quản trị hành chính, khối phòng phục vụ học tập, phòng tin học... được kết nối Internet phục vụ các hoạt động quản lý, dạy và học trong nhà trường [H3-3.5-02], [H3-3.2-03]

Khối quản trị hành chính, khối phòng phục vụ học tập, thí nghiệm thực hành, lớp học được trang bị đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định [H3-3.5-01], [H3-3.2-04]

Vào đầu năm học, Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo cán bộ thiết bị kiểm kê, rà soát các trang thiết bị dạy học, phát động giáo viên trong nhà trường tự làm đồ dùng dạy học, thiết kế bài giảng điện tử phục vụ cho việc dạy và học, xây dựng kế hoạch bổ sung các trang thiết bị dạy học phục vụ quá trình giảng dạy, nâng cáo chất lượng giáo dục trong nhà trường [H3-3.5-01], [H3-3.2-04], [H3-3.2-03]

Mức 3:

Phòng thí nghiệm thực hành có đủ trang thiết bị tối thiểu, hoạt động thường xuyên, hiệu quả; các thiết bị dạy học được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-01], [H1-1.8-05], [H3-3.2-03], [H3-3.2-04]

2. Điểm mạnh

Khối phòng quản trị hành chính, phòng phục vụ học tập, phòng học học sinh được trang bị đầy đủ các trang thiết bị tối thiểu cho hoạt động giảng dạy và học tập cũng như hoạt động khác của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet, Phòng thí nghiệm thực hành trang bị đầy đủ các thí bị dạy học tối thiểu, hoạt động có hiệu quả, Lãnh đạo nhà trường thường xuyên quan tâm tới công tác sử dụng đồ dùng dạy học trong giảng dạy, Hàng năm tổ chức kiểm kê, rà soát, xây dựng kế hoạch bổ sung các trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy nhằm duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Hệ thống máy tính của nhà trường phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập còn thiếu, trang thiết bị dạy học một số đã xuống cấp có độ chính xác không cao, phong trào giáo viên tự làm thiết bị dạy học còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chỉ đạo nhân viên thiết bị phối hợp bộ phận tài vụ trong xây dựng kinh phí mua sắm mới hoặc bổ sung các đồ dùng dạy học hợp lý hằng năm, tổ chức mua sắm sao cho kịp thời để phục vụ tốt hơn nữa việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học, đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng dạy và học. Đẩy mạnh phong trào giáo viên tự làm thiết bị dạy học

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường thường xuyên bổ sung sách, báo, sách tham khảo, tạp chí và phát động phong trào xây dựng tủ sách dùng chung cho thư viện nhà trường đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho giáo viên và học sinh trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và các hoạt động khác của nhà trường. [H1-1.8-04], [H3-3.6-01], [H3-3.6-02], [H3-3.2-04]

Thư viện trường có kế hoạch hoạt động đảm bảo đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của giáo viên, nhân viên và học sinh; có hồ sơ sổ sách quản lý theo quy định, đề ra được nội quy của thư viện để đảm bảo tốt việc đọc sách cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.8-04], [H3-3.6-01]

Cuối mỗi năm học, cán bộ thư viện có tổ chức công tác kiểm kê, rà soát. Hàng năm, thư viện được bổ sung sách, báo, truyện và tài liệu tham khảo phục vụ cho CBGVNV và học sinh [H3-3.6-01], [H3-3.2-03], [H3-3.2-04]

Mức 2:

Thư viện nhà trường đã đạt tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.6-01], [H3-3.2-04]

Mức 3:

Thư viện nhà trường đạt chuẩn thư viện tiên tiến theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ GDĐT; Hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng yêu cầu quản lý của thư viện, nghiên cứu và các hoạt động khác của giáo viên và học sinh [H3-3.6-01], [H3-3.2-04]

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường có đủ sách, báo, tài liệu tham khảo đảm bảo cho học sinh và giáo viên nghiên cứu đáp ứng yêu cầu dạy và học, có hệ thống công nghệ thông tin kết nối Internet đáp ứng yêu cầu quản lý của thư viện và nghiên cứu học tập, các hoạt động khác của giáo viên và học sinh.

Hàng năm thư viện được kiểm kê, rà soát bổ sung sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ cho nghiên cứu và tham khảo của giáo viên, học sinh; Kịp thời cung cấp sách giáo khoa, sách tham khảo cho giáo viên và học sinh góp phần phục vụ tốt trong việc giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Thư viện còn thiếu một số tài liệu tham khảo cho giáo viên; Phòng đọc còn hẹp chưa đáp ứng yêu cầu đọc sách của cán bộ, giáo viên, học sinh. Chưa có phòng đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh, Tủ sách pháp luật, sách đạo đức Hồ Chí Minh chưa thật phong phú. Sách được bổ sung nhưng còn hạn chế về thể loại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm có kế hoạch bổ sung thêm các đầu sách cho tủ sách pháp luật và sách đạo đức Hồ Chí Minh. Tiếp tục phát động học sinh, phụ huynh tặng sách cho thư viện nhà trường. Tổ chức phong trào xây dựng “thư viện lớp em” để bổ sung sách cho thư viện nhà trường và cũng tạo điều kiện cho GV và HS đọc sách ngay tại lớp. Sắp xếp phòng đọc một cách khoa học hơn để đáp ứng chỗ ngồi đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

Trường có đủ phòng học, bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng viết theo quy định. Thư viện nhà trường cơ bản có đủ tài liệu, sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập, sách tham khảo để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

Khối phòng quản trị hành chính, phòng phục vụ học tập, phòng học, phòng thí nghiệm thực hành được trang bị đầy đủ các trang thiết bị tối thiểu phục vụ cho hoạt động giảng dạy và các hoạt động khác của nhà trường.

Việc quản lý, sử dụng và bảo quản các khối phòng và trang thiết bị giáo dục được thực hiện tốt đã phát huy tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Phong trào xây dựng nhà trường xanh, sạch, đẹp, an toàn được chú trọng thực hiện thường xuyên với những giải pháp cụ thể mang tính ngắn hạn và dài hạn.

Nhiều hạng mục, công trình về cơ sở vật chất tuy có nhưng đã xuống cấp hoặc quá hạn sử dụng vẫn chưa được thay mới hoặc nâng cấp kịp thời. Một số thiết bị phục vụ cho việc dạy và học đã bị hư hỏng. Kinh phí của nhà trường eo hẹp nên việc bổ sung, mua sắm thêm các trang thiết bị, việc tu sửa các hạng mục công trình phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường còn bị hạn chế.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 3: 6/6 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là sự phối hợp chặt chẽ giữa 3 môi trường giáo dục được nhà trường luôn chú trọng và duy trì tốt. Để thực hiện tốt công tác giáo dục toàn diện cho học sinh, nhà trường đã tích cực tham mưu với các ban ngành, đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh, huy động tất cả các nguồn lực về tinh thần cũng như vật chất trong công tác xây dựng nhà trường cũng như môi trường giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc và mục tiêu giáo dục. Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình, có trách nhiệm trong việc phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm nhà trường có tổ chức hội nghị cha mẹ học sinh để bầu Ban Đại diện CMHS trường theo Điều lệ quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT, ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Ban đại diện CMHS nhà trường gồm có 3 thành viên. Ở mỗi lớp đều có tổ chức hội nghị CMHS để bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của

lớp. Ban đại diện CMHS của mỗi lớp gồm có 3 thành viên [H4-4.1-01], [H1-1.8-06], [H1-1.1-04]

Ban đại diện CMHS của trường xây dựng kế hoạch, quy chế, phương hướng hoạt động và thực hiện nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo đúng quy chế và Điều lệ Ban đại diện CMHS quy định; Ban đại diện CMHS trường và nhà trường tổ chức các cuộc họp định kỳ một năm 3 lần; Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp và CMHS họp định kỳ đầu năm học; Nhà trường luôn tạo điều kiện để Ban Đại diện CMHS hoạt động theo kế hoạch như thường xuyên hội họp, cung cấp thông tin, kế hoạch phát triển của nhà trường. Giáo viên chủ nhiệm lớp thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với CMHS để cùng tham gia chăm lo giáo dục học sinh nhất là những em có hoàn cảnh khó khăn hoặc chậm tiến bộ trong học tập. Ban đại diện CMHS trường đã phối hợp với nhà trường chăm lo công tác giáo dục học sinh [H4-4.1-01]

Ban đại diện CMHS nhà trường xây dựng kế hoạch, chương trình và quy chế hoạt động, thực hiện hoạt động theo kế hoạch và tiến độ đề ra, phối hợp với nhà trường trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh [H4-4.1-01]

Mức 2:

Ban đại diện CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp có hiệu quả [H4-4.1-01], [H1-1.1-04]

Mức 3:

Ban đại diện CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01]

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS nhà trường, lớp luôn nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, quan tâm đến công tác hỗ trợ học sinh khó khăn và giáo dục học sinh chậm tiến bộ, vận động xã hội hoá giáo dục. Ban đại diện CMHS nhà trường có kế hoạch phối hợp với Ban giám hiệu nhà trường trong việc tuyên truyền đến các phụ huynh học sinh có trách nhiệm quản lý, giáo dục đạo đức học sinh. Ban đại diện CMHS nhà trường, lớp thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm trong hoạt động theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS ban hành. Phối hợp chặt chẽ với nhà trường giúp nhà trường hoàn thành tốt mọi chỉ tiêu nhiệm vụ năm học.

3. Điểm yếu

CMHS ở rải rác khắp địa bàn của tỉnh, một số gia đình ở vùng sâu, vùng khó khăn nên việc thông tin trao đổi giữa GVCN với CMHS không thuận lợi, một số gia đình HS chưa có ý thức cao trong tạo điều kiện cho con em an tâm học tập, tùy tiện trong xin phép nghỉ học với những lý do chưa chính đáng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tổ chức phối hợp tốt hơn việc liên lạc thông tin giữa đội ngũ GVCN và CMHS, hướng dẫn CMHS hiểu biết hơn về trách nhiệm HS, các quy định về sinh hoạt, học tập của HS nội trú để gia đình tạo điều kiện tốt cho HS an tâm học tập trong thời gian sống xa gia đình.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường luôn chủ động tham mưu cho Đảng Ủy, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường như: Kế hoạch năm học ; phối hợp tốt với Công an thành phố Gia nghĩa, công an phường Nghĩa trung, với tổ dân phố trong bảo vệ an ninh, trật tự tại địa phương [H4-4.2-01], [H4-4.2-02]

Ban giám hiệu nhà trường chủ động tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.8-06]

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện CMHS làm tốt công tác vận động sự hỗ trợ tự nguyện của các tổ chức, mạnh thường quân trao học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, bổ sung một số trang thiết bị hỗ trợ học tập cho học sinh [H4-4.2-04], [H3-3.2-04]

Mức 2:

Hiệu trưởng luôn tích cực tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.3-01], [H1-1.3-03]

Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo BCH đoàn trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ

thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ ở thành phố Gia Nghĩa [H4-4.2-03], [H1-1.3-04]

Mức 3:

Hiệu trưởng tích cực tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H1-1.8-06], [H1-1.3-01]

2. Điểm mạnh

Hội cha mẹ học sinh nhà trường hoạt động có kế hoạch, phối hợp hiệu quả với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh. Ban giám hiệu nhà trường luôn chủ động tham mưu cấp ủy Đảng, Chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở địa phương về kế hoạch và các biện pháp để phát triển nhà trường; tích cực tham mưu và phối hợp với công an thành phố gia nghĩa, phường Nghĩa Trung để xây dựng môi trường nhà trường an toàn, lành mạnh.

3. Điểm yếu

Phụ huynh học sinh rải rác trên địa bàn toàn tỉnh, một số phụ huynh học sinh ở vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế khó khăn, do đó sự quan tâm giáo dục học sinh còn hạn chế. Sự phối hợp giữa trường với các tổ chức xã hội ngoài trường đôi khi chưa đạt được hiệu quả cao. Công tác vận động, huy động có lúc chưa thật kịp thời, chưa thu hút được nhiều nguồn lực hỗ trợ cho nhà trường

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường cần tiếp tục phát huy tính chủ động trong tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, không có tệ nạn xã hội và chủ động xây dựng kế hoạch huy động nguồn kinh phí của các đơn vị tài trợ cho việc khen thưởng, động viên học sinh; Tích cực tuyên truyền, phối hợp với CMHS trong giáo dục học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Ban giám hiệu nhà trường tích cực tham mưu với các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường, thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Đặc biệt trường luôn nhận được sự hưởng ứng và tham gia tích cực, nhiệt tình của Ban đại diện cha mẹ học sinh và các nhà hảo tâm, mạnh thường quân. Nhà trường đã tạo được mối quan hệ tốt với phụ huynh học sinh và xã hội, thường xuyên phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ngoài nhà trường, tạo được sự đồng bộ, thống nhất trong công tác giáo dục toàn diện cho học sinh; Thường xuyên tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp và cách đánh giá học sinh, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục.

Một số CMHS ở vùng sau vùng xa, kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn, sự quan tâm đến việc học của con em còn hạn chế, công tác phối hợp giữa GVCN và CMHS đôi lúc chưa kịp thời. Việc tham mưu với chính quyền địa phương trong thực hiện kế hoạch giáo dục chưa thực sự hiệu quả.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %

- Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt Mức 3: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Các hoạt động giáo dục được nhà trường đều thực hiện theo chương trình của SGD-ĐT Đắk Nông quy định. Các nhiệm vụ năm học được thông qua tại Hội nghị CB-VC hàng năm, nhà trường đề các biện pháp tích cực để đẩy mạnh công tác giảng dạy, công tác hỗ trợ giáo dục như các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động đoàn thể xã hội... và thường xuyên nâng cao hiệu quả các hoạt động. Nhà trường chỉ đạo các đoàn thể, các tổ chuyên môn thường xuyên rà soát các biện pháp nhằm không ngừng cải tiến các hoạt động giáo dục của giáo viên. Nhờ đó hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục toàn diện của nhà trường ngày càng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Căn cứ vào kế hoạch giáo dục và kế hoạch thời gian năm học của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Nông, nhà trường cụ thể hóa bằng các kế hoạch hoạt động chuyên môn năm, học kỳ, tháng. Các kế hoạch được triển khai đến toàn thể các tổ khối chuyên môn và giáo viên trong phiên họp chuyên môn đầu năm để thực hiện và từng tuần, tháng, học kỳ có tiến hành đánh giá kết quả đạt được của kỳ trước, xây dựng, điều chỉnh kế hoạch cho kỳ tiếp theo đảm bảo phù hợp với thực tiễn nhằm thực hiện tốt nhất, mang lại hiệu quả cao

nhất trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao [H1-1.8-02], [H1-1.8-01], [H1-1.4-05], [H3-3.5-01]

Giáo viên vận dụng đa dạng các phương pháp, kỹ thuật tổ chức dạy học, tổ chức các hoạt động dạy học đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện của nhà trường; Tổ chức bồi dưỡng cho học sinh nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H1-1.4-05], [H1-1.1-04], [H1-1.4-04]

Kế hoạch giáo dục của nhà trường luôn bám sát các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, tổ chức kiểm tra đánh giá học sinh đúng quy định, hình thức tổ chức kiểm tra đánh giá đa dạng, đảm bảo khách quan, công bằng và chính xác [H1-1.8-02], [H1-1.4-05]

Mức 2:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường luôn đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục như khung thời gian năm học; các môn học bắt buộc, tự chọn, việc lồng ghép các nội dung giáo dục, đánh giá, xếp loại phù hợp với từng đối tượng học sinh, đáp ứng yêu cầu và khả năng nhận thức của học sinh [H1-1.8-06], [H1-1.1-04], [H1-1.8-02], [H1-1.4-05]

Kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường được phổ biến công khai đến toàn thể CB, GV, NV được biết, được phổ biến trong các cuộc họp CMHS và dán công khai tại bảng thông tin của nhà trường; Ban giám hiệu nhà trường xây dựng và triển khai Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, ôn thi THPT, Olympic cho học sinh [H1-1.8-02], [H1-1.4-05]

Mức 3:

Định kỳ hàng tuần, tháng Ban giám hiệu nhà trường tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục, thông qua họp giao ban hàng tuần, tháng giáo cán bộ giáo viên góp ý hoàn thiện nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.8-06], [H1-1.8-02], [H1-1.4-05]

2. Điểm mạnh

Kế hoạch năm học, tháng, tuần của nhà trường xây dựng đầy đủ và sát với thực tế đơn vị, có tính khả thi, được giáo viên đồng thuận nhất trí cao. Thông qua kế hoạch nhà trường tất cả giáo viên bám sát và cụ thể hoá vào kế hoạch của cá nhân, của tổ chuyên môn, thực hiện đạt được hiệu quả. Chương trình giáo dục, quy định về chuyên môn, các hoạt động giáo dục đều được giáo viên thực hiện nghiêm túc và đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học. Giáo viên tích cực học tập bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo mô hình trường học mới nên đã biết lựa chọn các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh. Trong các hoạt động giáo dục, nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi và đưa ra nhiều phương pháp để giúp đỡ học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi. Từ đó, tỉ lệ học sinh giỏi tăng và học sinh yếu giảm dần qua từng năm học.

3. Điểm yếu

Một số ít giáo viên còn chậm trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu đã đem lại kết quả nhưng còn hạn chế chưa có nhiều giải cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh: xây dựng kế hoạch năm học, học kỳ, tháng, tuần của trường cũng như các bộ phận, tổ chuyên môn khoa học và sát với tình hình nhà trường hơn. Ban Giám hiệu sẽ thường xuyên dự họp cùng tổ chuyên môn để có những chỉ đạo sát hơn; tạo điều kiện để giáo viên học tập, nghiên cứu, đổi mới sinh hoạt chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Tăng cường kiểm tra công tác bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu và rèn luyện lại trong hè cho HS.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có thường xuyên xây dựng kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện theo từng năm học [H1-1.8-02], [H1-1.4-05], [H1-1.5-02]

Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo, đã tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện với những hình thức cụ thể Thời khóa biểu ôn thi học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém. Tổ chức trao học bổng cho học sinh nghèo vượt khó trong những dịp lễ đặc biệt; chỉ đạo BCH đoàn thành lập các câu lạc bộ hoạt động nhằm nâng cao kỹ năng cho học sinh [H1-1.8-02], [H1-1.4-05], [H1-1.1-04], [H1-1.3-04]

Hằng năm có biên bản rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện cuối năm học [H1-1.8-02]. [H1-1.1-04]

Mức 2:

Chất lượng giáo dục của nhà trường hàng năm được duy trì ổn định và ngày càng nâng cao, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn

trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.1-04], [H1-1.5-02], [H1-1.8-02], [H1-1.4-05]

Mức 3:

Chất lượng giáo dục học sinh của nhà trường ngày càng được củng cố, được CMHS các cấp có thẩm quyền và Sở Giáo dục và Đào tạo ghi nhận, hàng năm nhà trường đều có học sinh được công nhận học sinh giỏi cấp tỉnh, hội thi KHKT cấp tỉnh, hội thao GDQP cấp tỉnh. [H1-1.1-04], [H2-2.4-04], [H2-2.4-06]

2. Điểm mạnh

Có đầy đủ kế hoạch và có tổ chức giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện trong từng năm học. Hàng năm có rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Chất lượng giáo dục của nhà trường được duy trì ổn định, ngày càng được nâng cao, được CMHS, chính quyền các cấp và Sở Giáo dục và Đào tạo ghi nhận. Hàng năm có học sinh được công nhận đạt HSG cấp tỉnh, dự án KHKT cấp tỉnh, hội thao QPAN cấp tỉnh.

3. Điểm yếu

Đặc thù học sinh người đồng bào dân tộc thiểu số, đa số các em có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, mặt bằng dân trí thấp, do đó khả năng nhận thức và động cơ học tập của các em chưa cao; Số học sinh được công nhận học sinh giỏi cấp tỉnh chưa nhiều, chưa có giải cao

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phân công giáo viên bộ môn và giáo viên chủ nhiệm thường xuyên theo dõi, phát hiện học sinh có hoàn cảnh khó khăn và học sinh có năng khiếu để báo cáo với ban giám hiệu kịp thời; có giải pháp bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh, nâng cao số học sinh giỏi hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hàng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường tổ chức thực hiện lồng ghép nội dung giáo dục địa phương theo từng môn học như: Ngữ văn, lịch sử, địa lý, giáo dục công dân. Qua đó các em hiểu biết thêm về lịch sử địa phương khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương [H1-1.8-02], [H1-1.4-05], [H5-5.3-01], [H1-1.5-03]

Chương trình giáo dục địa phương được thực hiện lồng ghép trong các môn Ngữ văn, lịch sử, địa lý, GDCD, việc thực hiện kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương được lồng ghép khi thực hiện kiểm tra đánh giá các môn học [H1-1.4-05], [H1-1.8-02]

Hàng năm nhà trường có tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt [H5-5.3-01]

Mức 2:

Nhà trường thực hiện giảng dạy chương trình giáo dục địa phương được SGDĐT phê duyệt, nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn. Thông qua Giáo án các tiết dạy có nội dung giáo dục địa phương ở các môn văn, sử, địa, GDCD [H5-5.3-01], [H1-1.1-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục địa phương theo quy định, chương trình giáo dục địa phương được SGDĐT phê duyệt, nội dung phù hợp với mục tiêu môn học, phù hợp với thực tiễn, giúp các em hiểu hơn về lịch sử địa phương; Chương trình giáo dục địa phương được thực hiện linh hoạt, lồng ghép vào trong các môn chính khóa Ngữ văn, GDCD, địa lý, lịch sử.

3. Điểm yếu

Tổ chức cho học sinh tham quan, trải nghiệm nhằm hiểu hơn về văn hoá, lịch sử địa phương còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban giám hiệu nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể cho học sinh tham quan mô hình, trải nghiệm văn hoá để học sinh hiểu sâu sắc hơn về văn hoá, lịch sử địa phương

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường [H1-1.8-02]

Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo các tổ chức đoàn thể, các bộ phận, giáo viên được phân công tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch, phù hợp với thực tiễn của nhà trường [H1-1.1-04], [H1-1.3-04], [H5-5.4-01], [H5-5.4-02]

Ban giám hiệu nhà trường phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, giúp học sinh hình thành kỹ năng sống, định hướng nghề nghiệp sau này [H5-5.4-02], [H5-5.4-01]

Mức 2:

Nhà trường có Lập kế hoạch về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với học sinh. Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực [H1-1.3-04], [H5-5.4-01], [H5-5.4-02]

Kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp thực tiễn, thông qua các báo cáo kết quả việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp Ban giám hiệu nhà trường điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tiễn năm học [H1-1.8-02], [H1-1.4-05], [H1-1.3-04]

2. Điểm mạnh

Ban giám hiệu nhà trường xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp cho học sinh, tổ chức phân công, chỉ đạo các tổ chức đoàn thể, cán bộ giáo viên tham gia vào hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp.

Hàng năm nhà trường tổ chức giáo dục nghề phổ thông và hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh giúp học sinh lựa chọn được nghề phù hợp với khả năng của mình, nhằm tạo điều kiện để các em nuôi sống bản thân và hoà nhập vào xã hội.

3. Điểm yếu

Một số tổ chức hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp thực hiện chưa thực sự hiệu quả, giáo viên làm công tác hướng nghiệp chưa có nhiều kinh nghiệm. một số học sinh chưa ý thức tốt trong định hướng nghề cho bản thân

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giáo viên chủ nhiệm đẩy mạnh hơn nữa công tác tư vấn, hướng dẫn học sinh trong việc nhận thức, định hướng nghề cho bản thân. Tổ chức dạy nghề cho học sinh đúng đối tượng theo quy định.

Phối hợp với các tổ chức xã hội, các trường đại học, cao đẳng tư vấn hướng nghiệp cho học sinh

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường luôn xem việc rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh là nhiệm vụ quan trọng của mỗi năm học nên vào đầu mỗi năm học nhà trường đều có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, đồng thời chỉ đạo cho giáo viên xem việc lồng ghép kỹ năng sống trong từng tiết dạy, từng hoạt động là việc làm cần thiết, hình thành cho các em những kỹ năng cần thiết trong cuộc sống như: Làm việc theo nhóm, nhận thức vấn đề, kỹ năng quyết định, đặt mục tiêu ... Giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động tập thể và hoạt động GDNGLL cho học sinh như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng ứng phó, kỹ năng hợp tác ... [H1-1.8-02], [H1-1.4-05], [H1-1.2-06]

Trong năm học nhà trường luôn tăng cường giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua giáo dục ý thức chấp hành luật giao thông; cách tự phòng, chống tai nạn giao thông, đuối nước và các tai nạn thương tích khác thông qua việc giảng dạy môn GD&ĐT, tổ chức thi tìm hiểu Luật Giao thông, tham gia kiểm tra chuyên hiệu An toàn giao thông, tham gia dự thi tìm hiểu Luật Giao thông do Sở GD&ĐT tổ chức từ đó giúp các em biết tự bảo vệ chính mình [H1-1.2-06], [H1-1.8-02], [H1-1.5-02]

Nhà trường luôn chú trọng đến việc rèn luyện về đạo đức, lối sống của học sinh thông qua những tiết chào cờ, lồng ghép vào những tiết dạy về hình thành nhân cách, về lối sống, về truyền thống văn hóa dân tộc cho các em, từ đó giúp các em hoàn thiện hơn đạo đức, hiểu sâu hơn về truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H1-1.1-04], [H1-1.5-03], [H1-1.5-02]

Mức 2:

Nhà trường có quan tâm đến việc hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện kỹ năng sống thông qua các tiết học thực hành ở các môn Công nghệ, Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp,... [H1-1.1-04], [H1-1.8-02], [H1-1.4-05], [H1-1.5-02]

Đa số học sinh có khả năng vận dụng kiến thức kỹ năng sống được giáo dục trong nhà trường vào thực tiễn [H1-1.5-03], [H1-1.1-04], [H1-1.5-02]

Mức 3:

Nhà trường có tổ tư vấn, hướng dẫn và giám sát về kỹ năng sống cho các học sinh. Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, giám sát chỉ dẫn [H1-1.5-02], [H1-1.1-04], [H1-1.8-02], [H1-1.4-05]

2. Điểm mạnh

Ban giám hiệu nhà trường luôn quan tâm và chú trọng đến việc rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh, trong từng năm nhà trường đều có kế hoạch cụ thể, xây dựng từng nội dung phù hợp với lứa tuổi của các em, đồng thời chỉ đạo giáo viên xem việc lồng ghép kỹ năng sống trong từng tiết dạy, từng hoạt động là việc làm cần thiết, hình thành cho các em những kỹ năng cần thiết trong cuộc sống.

Đa số học sinh biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn, bước đầu có khả năng nghiên cứu khoa học theo hướng dẫn và có người giám sát.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số ít học sinh chưa thực sự chú ý đến việc rèn luyện kỹ năng sống, chưa tích cực tham gia các hoạt động chung của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban giám hiệu nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch cụ thể hóa các chương trình lồng ghép kỹ năng sống vào trong giảng dạy, tiết sinh hoạt dưới cờ, tiết sinh hoạt lớp, để từ đó giúp học sinh nhận biết rõ hơn về tầm quan trọng của việc vận dụng kỹ năng sống đã học trong nhà trường vào trong cuộc sống

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh: - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với

trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.
- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.
- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên;

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: - Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học. - Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực, hạnh kiểm đạt yêu cầu kế hoạch nhà trường đề ra, học lực khá giỏi 82,4%, không có học sinh xếp loại học lực yếu kém, Hạnh kiểm khá, tốt đạt 99,1%, Không có học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu. 100% học sinh 12 đủ điều kiện dự thi THPT [H1-1.1-04], [H1-1.5-03], [H1-1.5-02]

Hàng năm tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp THPT đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường, tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng đạt 100%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT năm học 2020- 2021 đạt 100% [H1-1.1-04], [H1-1.5-03]

Học sinh sau khi tốt nghiệp THPT, một số em học tiếp chương trình cao đẳng đại học, một số em học trung cấp nghề, số em con lại trở lại địa phương tham gia lao động sản xuất. Học sinh sau khi ra trường đều hào nhập tốt với xã hội [H1-1.1-04]

Mức 2:

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp, cụ thể năm sau cao hơn năm trước, tỷ lệ học sinh xếp loại học lực, hạnh kiểm đạt yêu cầu kế hoạch nhà trường đề ra. Năm học 2017 – 2018: Học lực đạt 98,1%, hạnh kiểm đạt 99,3%; năm học 2018-2019: Học lực đạt 98,3%, hạnh kiểm đạt 99,2%; Năm học 2019-2020: Học lực đạt 99,2%, hạnh kiểm đạt 99,5%; Năm học 2020-2021: Học lực đạt 100%, hạnh kiểm đạt 99,5%; năm học 2021-2022 học lực đạt 100%, hạnh kiểm khá tốt 100% [H1-1.5-03], [H1-1.5-02], [H1-1.1-04]

Hàng năm học sinh lên lớp và tốt nghiệp THPT đạt kế hoạch đề ra: năm học 2016-2017: lên lớp đạt 100%, tốt nghiệp đạt 100%; Năm học 2017 – 2018: lên lớp đạt 100%, tốt nghiệp đạt 100%; năm học 2018-2019: lên lớp đạt 100%, tốt nghiệp đạt 98,5%; năm học 2019-2020 lên lớp đạt 100%, tốt nghiệp THPT đạt 98,7% ; Năm học 2020-2021 lên lớp đạt 100%, tốt nghiệp đạt 100%, năm học 2021-2022 học sinh lên lớp đạt 100% [H1-1.5-03], [H1-1.1-04]

Mức 3:

Tỷ lệ học sinh xếp loại học lực, hạnh kiểm luôn được duy trì của trường đạt chuẩn quốc gia. Năm học 2021-2022 tỷ lệ học sinh xếp học lực giỏi đạt 14,1%, học sinh xếp học lực khá 68,4% Không có học sinh xếp loại học lực yếu kém; học sinh xếp loại hạnh kiểm khá tốt 99,1%, không có học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu [H1-1.5-03], [H1-1.5-02], [H1-1.1-04]

Chất lượng giáo dục của nhà trường của nhà trường luôn được duy trì ổn định, đạt tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia và đạt kiểm định chất lượng được chính quyền các cấp, Sở Giáo dục và đào tạo công nhận, hàng năm tỷ lệ học sinh bỏ học của nhà trường dưới 0,05%, không có học sinh lưu ban [H1-1.5-03], [H1-1.5-02], [H1-1.5-01]

2. Điểm mạnh

Chất lượng giáo dục của nhà trường hàng năm được duy, tỷ lệ học lực, hạnh kiểm của học sinh đều đạt và vượt kế hoạch nhà trường đề ra, tăng dần theo từng năm. Tỷ lệ học sinh bỏ học nhỏ hơn 0,05%, không có học sinh lưu ban hàng năm. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đạt tỷ lệ cao.

3. Điểm yếu

Một số hoàn cảnh gia đình khó khăn học sinh phải nghỉ học phụ giúp gia đình, một bộ phận phụ huynh chưa quan tâm đến việc học tập của các em, thường bị bạn bè xấu lôi kéo nên dẫn đến học sinh bỏ học giữa chừng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm tiếp theo Nhà trường giao cho bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch chuyên môn cụ thể, tổ chức thao giảng, sinh hoạt chuyên đề, đổi mới phương pháp để tiếp tục duy trì và nâng cao tỷ lệ học sinh đạt học lực trung bình và hạnh kiểm khá trở lên. Tổ chức đoàn thể, Đoàn thanh niên phối hợp với phụ huynh học sinh trong việc giáo dục các em trong việc tự học, tránh xa tệ nạn xã hội, tránh xa những bạn bè xấu lôi kéo và quan tâm việc học của các em nhiều hơn nữa không để việc học sinh bỏ học giữa chừng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Công tác tổ chức tư vấn về sức khỏe thể chất và tinh thần, giáo dục giới tính, tình yêu, hôn nhân gia đình phù hợp với sinh tâm lý lứa tuổi học sinh.

Qua đánh giá đúng thực trạng của nhà trường trong việc thực hiện chương trình GD và các hoạt động GD. Nhà trường tự đánh giá có những ưu điểm và hạn chế cơ bản sau:

Chương trình, kế hoạch GD được triển khai đúng chủ đề, chủ điểm năm học và đúng quy định của Bộ, Sở GD&ĐT nhưng có sáng tạo trong việc thực hiện cho phù hợp với thực tiễn nhà trường.

Hàng năm nhà trường đều đạt và vượt các chỉ tiêu về chất lượng của hoạt động giáo dục. Cung cấp cho học sinh vốn kiến thức cơ bản phổ thông để học sinh tiếp tục học lên các lớp trên hoặc đi vào cuộc sống thực tiễn. Ban giám hiệu thường xuyên nhắc nhở, đôn đốc kiểm tra các hoạt động dạy giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh.

Kết quả giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh được giữ ổn định và chuyển biến tích cực trong các năm.

Các hoạt động ngoài giờ lên lớp được tổ chức bằng nhiều hình thức phong phú, tập trung giáo dục đạo đức, giá trị sống, kỹ năng sống cho học sinh. Hoạt động giáo dục hướng nghiệp đã bước đầu thực hiện có nề nếp, đảm bảo chất lượng các giờ hướng nghiệp.

Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động thể dục, thể thao còn hạn chế.

Vẫn còn tình trạng học sinh bỏ học trong các năm học gần đây.

Việc biên soạn nội dung giáo dục địa phương còn mang tính chấp vá do thiếu tài liệu để tham khảo, nghiên cứu. Công tác đánh giá, rà soát, cải thiện một số hoạt động giáo dục đôi khi chưa sâu. Nội dung và các hình thức giáo dục địa phương còn hạn chế về thời gian. Các hoạt động rà soát, đánh giá, cải tiến các biện pháp chưa có hiệu quả.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 3: 6/6 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp điều kiện thực tiễn của nhà trường, phù hợp kinh tế xã hội trên địa bàn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường hằng năm.

3. Điểm yếu

Kế hoạch của nhà trường chưa tham khảo chương trình tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm tiếp theo thông qua mạng internet tham khảo nội dung chương trình tiên tiến của các nước trên thế giới để vận dụng những nội dung phù hợp với thực trạng của đơn vị nhằm nâng chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường tổ chức thực hiện cho 100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân dưới sự định hướng, giáo dục của giáo viên.

2. Điểm mạnh

Một số GV tích cực đổi mới phương pháp, tổ chức dạy học theo hướng phân hóa đối tượng học sinh, phát huy năng khiếu HS, quan tâm, phối hợp cùng các tổ chức xã hội tạo điều kiện cho HS có hoàn cảnh khó khăn được tham gia học tập tốt.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số giáo viên chưa lựa chọn phương pháp và hình thức dạy học phát huy năng khiếu cho học sinh do năng lực chuyên môn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tăng cường tổ chức chuyên đề, tạo điều kiện để GV được tham quan, giao lưu, học hỏi kinh nghiệm với những đơn vị thực hiện tốt việc tổ chức dạy học theo đối tượng học sinh

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia nghiên cứu KHKT cấp tỉnh dành cho học sinh THPT, trong năm học 2021-2022 nhà trường có 04 đề tài tham gia dự thi KHKT cấp tỉnh, trong đó có 02 đề tài đạt giải ba [H1-1.1-04], [H2-2.4-06]

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo sát sao công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật cho học sinh, bố trí nguồn kinh phí cho giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia thi khoa học kỹ thuật, trong năm học 2022-2023 nhà trường có 02 đề tài đạt giải ba trong hội thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ; nghiên cứu khoa học kỹ thuật còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng nhà trường xây dựng kế hoạch, động viên khuyến khích giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; mới có nguồn tài liệu truyền thống, chưa có tài liệu số. [H1-1.1-04], [H3-3.6-01]

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường đã đạt chuẩn theo quy định.

3. Điểm yếu

Thư viện chưa có hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, chưa có nguồn tài liệu số; chưa được cấp phần mềm quản lý thư viện

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Sử dụng kinh phí hoạt động để trang bị máy tính, sắp xếp ổn định phòng đọc của thư viện. Hoàn thiện các tiêu chí để thư viện đủ điều kiện công nhận thư viện tiên tiến. Từ đó, có cơ sở tiếp tục nâng dần chất lượng hoạt động của thư viện.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm liên tiếp từ 2018 đến 2023, nhà trường đã từng bước hoàn thành các phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà Trường đã có những biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục để từng bước đạt kết quả giáo dục theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số cán bộ giáo viên chưa thực sự tích cực trong đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng nhà trường lên kế hoạch chỉ đạo phó hiệu trưởng dự sinh hoạt tổ chuyên môn, dự giờ thăm lớp, góp ý xây dựng đổi mới phương pháp giảng dạy, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường, từng bước hoàn thành các chỉ tiêu, phương hướng theo chiến lược phát triển nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Trong năm năm qua chất lượng giáo dục nhà trường luôn duy trì ổn định, kết quả giáo dục của nhà trường luôn đạt tốp đầu trong các trường THPT trên địa bàn tỉnh

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức cho 100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dưới sự định hướng, hướng dẫn của giáo viên; Học sinh nhà trường tích cực tham gia nghiên cứu khoa học dành cho học sinh THPT dưới sự định hướng và hướng dẫn của giáo viên; Thư viện nhà trường được trang bị hệ thống công nghệ thông tin có kết nối Internet thuận tiện cho quản lý và sử dụng của giáo viên và học sinh; Trong những năm qua nhà trường luôn hoàn thành ục tiêu giáo dục đã đề ra.

3. Điểm yếu

Học sinh tham gia nghiên cứu khoa học chưa nhiều, hệ thống trang thiết bị thư viện xuống cấp, phòng đọc dùng chung cho giáo viên và học sinh

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng nhà trường có kế hoạch giáo dục, đề ra các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục và các hoạt động hỗ trợ khác để nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; Khuyến khích học sinh tham gia nghiên cứu KHKT dành cho học sinh THPT; đầu tư cơ sở vật chất cho thư viện đạt thư viện tiên tiến

5. Tự đánh giá: Không đạt

Kết luận:

Trong quá trình tự đánh giá theo 5 tiêu chuẩn mà Bộ Giáo dục Đào tạo đã ban hành, về cơ bản cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ công chức đảm bảo đủ theo quy định. Chất lượng giáo viên không ngừng bồi dưỡng nâng cao và đạt chuẩn trình độ trên chuẩn 13,9%. Chất lượng giáo dục của nhà trường ngày một nâng lên. Công tác phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện tốt. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh hết sức tự hào bởi những thành quả mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua trong đó kết quả giáo dục học sinh là tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan nhất chất lượng giáo dục của nhà trường. Trong các năm qua tỷ lệ tốt nghiệp luôn đạt 97,5% trở lên, tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến đều tăng đặc biệt là năm nào cũng có học sinh giỏi cấp tỉnh. Đó thực sự là nguồn động viên, là niềm tự hào của của thầy giáo, cô giáo và học sinh trong nhà trường.

Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong năm qua với Bộ tiêu chuẩn đánh giá trường trung học được Bộ Giáo dục Đào tạo ban hành; trong quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí như sau:

Đạt mức độ 1: 28/28 chiếm 100%

Đạt mức độ 2: 26/28 chiếm 92,8%

Đạt mức độ 3: 14/28 chiếm 50%

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học thì trường THPT DTNT N'Trang Long đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

- Không đạt: 3/6 tiêu chí chiếm 50 %
- Đạt: 3/6 tiêu chí chiếm 50 %

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
 - Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0 %
 - Đạt Mức 1: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 2: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
 - Đạt Mức 3: (28/28) (20/20) tiêu chí chiếm 100 %
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
 - Không đạt: 3/6 tiêu chí chiếm 50 %
 - Đạt: 3/6 tiêu chí chiếm 50 %

Nhà trường có cơ cấu, tổ chức bộ máy đúng quy định Điều lệ trường phổ thông. Lớp học, số học sinh trong một lớp học được tổ chức theo quy định. Nhà trường chấp hành đúng chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và cơ quan quản lý giáo dục các cấp; thực hiện tốt dân chủ, công tác quản lý hành chính, tài chính, cơ sở vật chất, các hoạt động giáo dục, công tác quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; Triển khai thực hiện tốt các phong trào thi đua; Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trường có đủ giáo viên, đạt trình độ chuyên môn theo quy định; 100% Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn vượt quy định; không có giáo viên xếp loại yếu kém. Giáo viên, nhân viên trong trường được đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định. Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và thực hiện đúng quy định về hành vi không được làm, tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường. Trường có khuôn viên từng điểm riêng biệt, hàng rào bao quanh, đảm bảo an toàn, có sân chơi, bãi tập cho học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế của trường. Trường có đủ phòng học, đảm bảo cho học sinh học 2 buổi/ngày; thư viện có khá đủ các loại sách, báo, tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh. Nhà trường có hệ thống nước sạch, có nơi để xe cho giáo viên, nhân viên. Trường thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội; thường xuyên phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ngoài nhà trường, tạo được sự đồng bộ, thống nhất trong công tác giáo dục toàn diện cho học sinh. Nhà trường thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ GDĐT. Công tác tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu được thực hiện thường xuyên. Chú trọng công tác nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh và kiểm tra sức khỏe định kỳ cho học sinh.

Tuy nhiên, ban lãnh đạo nhà trường chưa thường xuyên kiểm tra, giám sát nên việc lập kế hoạch theo tuần của tổ chuyên môn và tổ văn phòng và việc tổ chức sinh hoạt của tổ văn phòng còn một vài tháng chưa đúng quy định. Một số ít GV năng lực giảng dạy không đồng đều, còn lúng túng trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế. Một vài học sinh có lúc thực hiện chưa tốt nội quy nhà trường. Thiết bị và một số đồ dùng dạy học xuống cấp. Một số cha mẹ học sinh phải đi làm ăn xa nên việc trao đổi thông tin hai chiều giữa gia đình và nhà trường về việc học tập của học sinh còn hạn chế. Công tác xã hội hóa chưa phát triển rộng rãi trong toàn xã hội. Việc tổ chức tham quan thực tế về truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc của địa phương cho học sinh chưa được

thường xuyên. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu ở một số lớp; chất lượng hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đôi lúc hiệu quả chưa cao. Số lượng HS tham gia thi và đạt giải các hội thi chưa nhiều.

Trên cơ sở tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường với những điểm mạnh và điểm yếu, nhà trường đề ra các giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục của đơn vị trong thời gian tới.

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ N'TRANG LONG tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt mức độ 2 trường chuẩn Quốc Gia.

....., ngàytháng năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Phần IV
PHỤ LỤC